ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI

# KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC
# PHÁT TRIỂN KHOA KINH TẾ
# GIAI ĐOẠN 2018 – 2023
# TẦM NHÌN 2025

**Đồng Nai, năm 2018**

# MỤC LỤC

**PHẦN I. GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT ..... 3**
**1. THÔNG TIN CHUNG ..... 3**
**2. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN ..... 3**
**3. CƠ CẤU TỔ CHỨC, NHÂN SỰ CỦA KHOA KINH TẾ ..... 4**
3.1. Cơ cấu tổ chức ..... 4
3.2. Nhân sự ..... 4
**4. QUY MÔ ĐÀO TẠO ..... 5**
**5. SỨ MẠNG, TẦM NHÌN, MỤC TIÊU, GIÁ TRỊ CỐT LÕI, TRIẾT LÝ GIÁO DỤC ..... 5**
5.1. Sứ mạng ..... 5
5.2. Tầm nhìn, mục tiêu ..... 5
5.3. Giá trị cốt lõi ..... 5
5.4. Triết lý giáo dục ..... 5
**PHẦN II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2014 – 2018 ..... 7**
**1. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC GIAI ĐOẠN 2014 – 2018 ..... 7**
1.1. Công tác chính trị tư tưởng, giáo dục rèn luyện ..... 7
1.2. Công tác phát triển nguồn nhân lực ..... 7
1.3. Công tác đào tạo ..... 7
1.4. Công tác quản lý viên chức và người học ..... 10
1.5. Công tác Nghiên cứu khoa học ..... 12
1.6. Công tác thi đua khen thưởng ..... 12
1.7. Công tác Đoàn thể và công tác xây dựng phát triển Đảng ..... 13
1.8. Công tác hợp tác quốc tế ..... 13
1.9. Công tác xã hội ..... 14
1.10. Công tác cơ sở vật chất, tài chính ..... 14
1.11. Công tác đảm bảo chất lượng ..... 14
**2. NHỮNG CÔNG TÁC CHƯA THỰC HIỆN ĐƯỢC, NGUYÊN NHÂN ..... 14**
2.1. Nghiên cứu khoa học ..... 14
2.2. Chiến lược phát triển mã ngành đào tạo ..... 15
2.3. Chiến lược hoàn thiện cơ cấu quản lý và phát triển đội ngũ giảng dạy ..... 15
2.4. Công tác tuyển sinh ..... 15
2.5. Công tác đào tạo ..... 17
2.6. Hợp tác với các doanh nghiệp ..... 16
**PHẦN III. BỐI CẢNH VÀ THỰC TRẠNG ..... 17**
**1. BỐI CẢNH QUỐC TẾ VÀ TRONG NƯỚC ..... 17**
**2. THỰC TRẠNG KHOA KINH TẾ - TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI ..... 20**
2.1. Điểm mạnh của Khoa Kinh tế ..... 20
2.2. Phân tích điểm yếu của khoa ..... 22
2.3. Phân tích Cơ hội ..... 22
2.4. Phân tích thách thức ..... 23
2.5. Hiệu quả của phân tích ma trận SWOT ..... 24
**PHẦN IV. MỤC TIÊU, CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KHOA KINH TẾ GIAI ĐOẠN 2018 – 2023 ..... 25**

**1. CƠ SỞ PHÁP LÝ XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC KHOA.....25**
**2. MỤC TIÊU, CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2018 – 2023 .....26**
2.1. Công tác tư tưởng chính trị, giáo dục rèn luyện .....26
2.2. Công tác phát triển nguồn nhân lực .....26
2.3. Công tác đào tạo.....27
2.4. Công tác quản lý viên chức và người học.....30
2.5. Nghiên cứu khoa học .....31
2.6. Công tác đoàn thể, xây dựng phát triển Đảng.....32
2.7. Công tác hợp tác quốc tế.....33
2.8. Công tác xã hội .....33
2.9. Cơ sở vật chất.....34
2.10. Công tác đảm bảo chất lượng.....35
**3. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....36**
3.1. Trách nhiệm của lãnh đạo khoa kinh tế DNU.....36
3.2. Trách nhiệm của chuyên viên thuộc khoa.....36
3.3. Trách nhiệm của giảng viên thuộc khoa .....36
3.4. Trách nhiệm của người học thuộc khoa.....36
3.5. Trách nhiệm của các phòng ban, đơn vị liên quan.....37
3.6. Các doanh nghiệp.....37

# PHẦN I. GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT

## 1. THÔNG TIN CHUNG

| | |
|---|---|
| 1. Tên khoa<br>- Tiếng Việt:<br>- Tiếng Anh: | <br>Khoa Kinh tế<br>Faculty of Economics |
| 2. Tên viết tắt | KKT (FE) |
| 3. Năm thành lập | 2014 |
| 4. Quyết định thành lập | Số 1000/QĐ-ĐHĐN ngày 24/12/2014 |
| 5. Cơ quan chủ quản | Trường Đại học Đồng Nai |
| 6. Địa chỉ | Đường Vũ Hồng Phô, Phường Bình Đa, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai |
| 7. Thông tin liên hệ<br>- Điện thoại:<br>- Email:<br>- Website: | <br>0251.3830.688<br>khoakinhte@dnpu.edu.vn<br>http: kinhte.dnpu.edu.vn |
| 8. Mã ngành đào tạo<br>* Đại học<br>- Kế toán (NKT)<br>- Quản trị kinh doanh (NQK)<br>* Cao đẳng<br>- Kế toán (NKT)<br>- Quản trị kinh doanh (NQK)<br>- Tài chính ngân hàng (NTN) | <br><br>7340301<br>7340101<br><br>6340301<br>6340101<br>6340201 |

## 2. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Với mục tiêu tập trung lực lượng để xây dựng một Trường Đại học đa ngành nghề, đa lĩnh vực, phù hợp với xu thế phát triển chung của khu vực và thế giới. Ngày 24 tháng 12 năm 2014, Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Nai đã ký Quyết định số 1000/QĐ-ĐHĐN về việc thành lập Khoa Kinh tế – Trường Đại học Đồng Nai trên cơ sở tách nhân sự từ Khoa Tổng hợp và sát nhập với Trường Trung cấp Kinh tế Đồng Nai.

Giai đoạn mới thành lập khoa chỉ có 2 bộ môn Kế toán (số 763/QĐ-ĐHĐN, ngày 01/9/2015 với số lượng 15 gảng viên) và Quản trị kinh doanh (số 762/QĐ-ĐHĐN, ngày 01/9/2015 với số lượng 10 gảng viên).

Khoa được giao nhiệm vụ đào tạo 02 mã ngành trình độ đại học chính quy: Kế toán (Mã ngành: 7340301) và Quản trị kinh doanh (Mã ngành: 7340101) theo Quyết định số 245/QĐ-BGDĐT ngày 12/01/2011.

Khoa Kinh tế có sứ mạng: Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao ở trình độ Đại học phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của khu vực và đất nước. Người học sau khi tốt nghiệp có đủ năng lực hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, kinh tế, xã hội, quản lý trong các doanh nghiệp và cơ quan nhà nước.

Khoa Kinh tế hoạt động theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Đồng Nai Ban hành kèm theo QĐ số 195/QĐ-UBND, ngày 21/01/2011 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Đồng Nai. Trong đó tập trung những nhiệm vụ cơ bản sau:

Giúp Hiệu trưởng quản lý giảng viên, chuyên viên và người học thuộc khoa; thực hiện công tác đào tạo; xây dựng phát triển chương trình đào tạo và quản lý chất lượng đào tạo; tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ; thực hiện công tác hoạt động cộng đồng…

## 3. CƠ CẤU TỔ CHỨC, NHÂN SỰ CỦA KHOA KINH TẾ

### 3.1. Cơ cấu tổ chức

Cùng với các tổ chức chính trị, đoàn thể, Khoa Kinh tế hiện có 2 tổ Bộ môn thực hiện công tác chuyên môn, gồm: Kế toán; Quản trị kinh doanh. 01 bộ phận văn phòng khoa thực hiện công tác hành chính và hỗ trợ quản lý người học của khoa.

***Sơ đồ cơ cấu tổ chức Khoa Kinh tế***

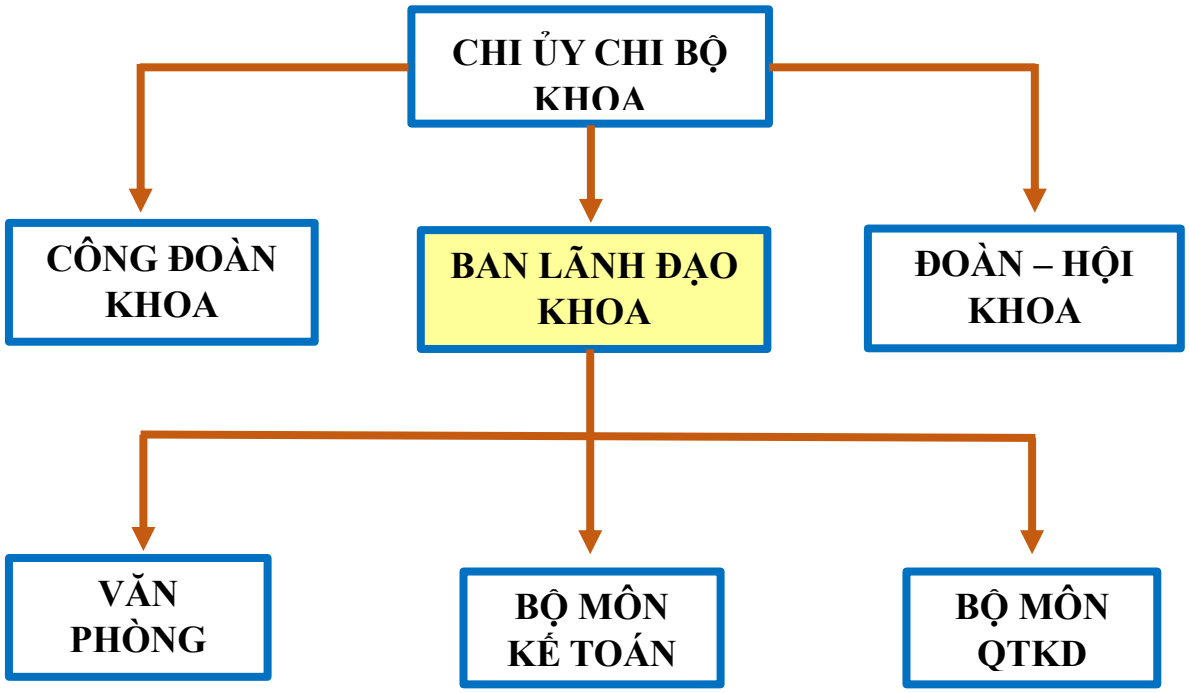


**a. Nhân sự**

Tổng số nhân sự của khoa hiện nay là 30 người, 89,3% giảng viên đủ chuẩn về trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ để tham gia công tác giảng dạy và 100% chuyên viên đủ chuẩn về trình độ đào tạo và nghiệp vụ để thực hiện các công tác hành chính của khoa. Cụ thể như sau:

| TT | Bộ phận | Tổng số cán bộ, viên chức | | | Đảng viên | Số cán bộ, viên chức | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Biên chế | Hợp đồng | Trình độ | | | | |
| | | Tổng | Nữ | Nam | | | | TS | ThS | ĐH | CĐ | Khác |
| 1 | Lãnh đạo khoa | 01 | | 01 | 01 | 01 | | 01 | | | | |
| 2 | Trưởng Bộ môn | 02 | 01 | 01 | 02 | 02 | | | 02 | | | |
| 3 | Giảng viên | 25 | 23 | 2 | 12 | 25 | | | 22 | 03 | | Đang học cao học |
| 4 | Chuyên viên | 02 | 02 | | 01 | 02 | | | | 02 | | |
| **Tổng cộng** | | **30** | **26** | **04** | **16** | **30** | **0** | **01** | **24** | **05** | | |

## 4. QUY MÔ ĐÀO TẠO

- Hiện nay, Khoa đang thực hiện nhiệm vụ đào tạo hệ Đại học và Cao đẳng chính quy với 2 mã ngành đào tạo là Kế toán và Quản trị Kinh doanh.

- Quy mô đào tạo của Khoa Kinh tế: khoa có số lượng người học đăng ký nhập học đông gồm các hệ Đại học và Cao đẳng chính quy. Cụ thể số lượng người học hệ chính quy qua các năm như sau:

| STT | Năm học | Số lượng người học | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| 1 | 2015 – 2016 | 1.496 | |
| 2 | 2016 – 2017 | 1.404 | |
| 3 | 2017 – 2018 | 1.251 | |
| 4 | 2018 – 2019 | 1.345 | |

- Ngoài ra, Khoa Kinh tế đã đẩy mạnh hợp tác quốc tế qua việc nhận nhiệm vụ đào tạo sinh viên Lào, Campuchia hằng năm nhằm tăng cường sự giao lưu, gắn kết giữa nhà Trường với các nước trong khu vực.

## 5. SỨ MẠNG, TẦM NHÌN, MỤC TIÊU, GIÁ TRỊ CỐT LÕI, TRIẾT LÝ GIÁO DỤC

### 5.1. Sứ mạng

- Đào tạo, nghiên cứu, xây dựng và cải tiến phương pháp giảng dạy, chuyển giao khoa học - công nghệ, tham gia đào tạo, cung ứng nguồn nhân lực có chất lượng cao trong lĩnh vực kinh tế.

- Nghiên cứu mở các mã ngành mới cho Khoa Kinh tế, đáp ứng với nhu cầu phát triển của Khoa Kinh tế nói riêng và của Trường Đại học Đồng Nai nói chung.

### 5.2. Tầm nhìn, mục tiêu

- Tầm nhìn đến năm 2025, Khoa Kinh tế trở thành một khoa mũi nhọn của trường Đại học Đồng Nai, đi đầu trong nhiệm vụ nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng yêu cầu của xã hội về nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực kinh tế, có sức cạnh tranh với nguồn nhân lực của các trường Đại học uy tín trong nước.

- Mục tiêu: Phát triển hệ đào tạo Đại học Chính quy và liên thông, xây dựng thương hiệu khoa trở thành một địa chỉ uy tín thu hút nguồn tuyển sinh ngành Kế toán, Quản trị kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và khu vực Đông Nam Bộ. Phấn đấu năm 2023, đạt số lượng người học hệ Đại học chính quy trên 1.500 sinh viên.

### 5.3. Giá trị cốt lõi

Khoa Kinh tế coi trọng và đề cao giá trị cốt lõi sau:

***"Dân chủ – Kỷ cương – Sáng tạo – Hợp tác – Phát triển"***

### 5.4. Triết lý giáo dục

***"Học để biết - Học để làm - Học để cùng chung sống - Học để tự khẳng định mình".***

***- Học để biết:*** Người học có khả năng:

(1) Tự khám phá tri thức của nhân loại;

(2) Thiết lập mối quan hệ giữa tri thức cũ và mới;

(3) Ghi nhớ sâu sắc, ứng dụng những tri thức đã học để giải quyết vấn đề thực tế.

***- Học để làm:*** Người học có khả năng:

(1) Sử dụng kiến thức, kỹ năng, thái độ để giải quyết được những vấn đề thực tế.

(2) Trình bày cho người khác một cách mạch lạc những tri thức đã học và kỹ năng đã làm.

(3) Lao động để bản thân tồn tại, đồng thời tạo ra của cải vật chất và tinh thần cho xã hội.

- ***Học để chung sống:*** Người học có khả năng:

(1) Làm việc nhóm, lập kế hoạch và quản lý công việc, giao tiếp, đồng cảm, hỗ trợ, bao dung, tha thứ.

(2) Ứng phó với những thách thức của cuộc sống.

(3) Quý trọng những điều hay lẽ phải trong cuộc sống, yêu thiên nhiên và có ý thức bảo vệ môi trường.

- ***Học để tự khẳng định mình:*** Người học có khả năng tạo lập và phát triển được giá trị của riêng mình:

(1) Có phẩm chất đạo đức tốt.

(2) Tạo ra tri thức mới, giá trị mới cho bản thân và cộng đồng.

## PHẦN II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2014 – 2018

### I. Kết quả đạt được giai đoạn 2014 - 2018

#### 1. Công tác chính trị tư tưởng, giáo dục rèn luyện

- Lãnh đạo khoa thường xuyên sinh hoạt, quán triệt tới viên chức và sinh viên trong toàn đơn vị nhận thức sâu rộng về các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, cũng như các quy định của nhà trường. Qua đó đã xây dựng được tập thể khoa có môi trường chính trị ổn định, thông suốt từ viên chức đến sinh viên. Viên chức và người học trong khoa đều có tinh thần học hỏi, nhiệt tình tham gia các hoạt động, công tác đoàn thể của khoa và nhà trường, lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, không có trường hợp viên chức, người học nào vi phạm pháp luật.

- Thường xuyên lồng ghép các nội dung giáo dục rèn luyện trong các buổi hội họp, sinh hoạt chuyên môn, sinh hoạt đoàn thể và trong các buổi chào cờ của khoa. Qua đó đã xây dựng được hình ảnh Khoa Kinh tế đoàn kết, năng động và sáng tạo.

#### 2. Công tác phát triển nguồn nhân lực

***- Công tác xây dựng, phát triển đội ngũ:***

Giai đoạn từ năm 2014 – 2018, nhân sự Khoa Kinh tế tăng dần về chất lượng đội ngũ. Khi mới thành lập khoa năm 2014, khoa có tổng số 29 viên chức (trong đó: 16 viên chức là nhân sự tách từ Khoa Tổng hợp, 13 viên chức là nhân sự Trường Trung cấp Kinh tế Đồng Nai sát nhập). Năm học 2015 – 2016, khoa có 33 viên chức (trong đó: giảng viên: 31 người, chuyên viên: 02 người) với các trình độ: thạc sĩ 22 người, đại học: 11 người. Năm học 2016 – 2017, khoa có 31 viên chức (trong đó: giảng viên: 29 người, chuyên viên: 02 người) với các trình độ: thạc sĩ 26 người, đại học: 5 người. Năm học 2017 – 2018, khoa có 29 viên chức (trong đó: giảng viên: 27 người, chuyên viên: 02 người) với các trình độ: thạc sĩ 24 người, đại học: 5 người. Năm học 2018 – 2019, khoa có 30 viên chức (trong đó: giảng viên: 28 người, chuyên viên: 02 người) với các trình độ: tiến sĩ 01 người; thạc sĩ 24 người, đại học: 5 người.

Giai đoạn 2014 – 2018, hằng năm lãnh đạo khoa tham mưu đề xuất với Ban Giám hiệu nhà trường tuyển dụng viên chức có trình độ cao nhằm hoàn thiện và phát triển đội ngũ giảng dạy trong khoa. Cụ thể: năm 2015, khoa tuyển dụng được 06 viên chức có trình độ thạc sĩ tham gia giảng dạy; 01 viên chức thực hiện nhiệm vụ chuyên viên văn phòng khoa.

***- Công tác học tập nâng cao trình độ:***

Xác định công tác học tập nâng cao trình độ, chất lượng đội ngũ là nhiệm vụ quan trọng, lâu dài nên Lãnh đạo khoa luôn khuyến khích, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho viên chức trong đơn vị tích cực học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Giai đoạn 2014 – 2018 nhiều viên chức đã hoàn thành các khóa đào tạo chuyên môn, văn bằng 2, các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, cụ thể: 01 viên chức hoàn thành chương trình đào tạo tiến sĩ; 10 viên chức hoàn thành chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, 01 viên chức hoàn thành lớp Trung cấp lý luận chính trị.

#### 1.3. Công tác đào tạo

***1.3.1. Quy mô đào tạo***

- Giai đoạn 2014 – 2018, khoa luôn đạt chỉ tiêu về số lượng tuyển sinh hàng năm ở các hệ đào tạo chính quy Cao đẳng và Đại học.

*Bảng thống kê số liệu chi tiết về quy mô đào tạo và số lượng người học qua các năm (số liệu dựa vào bảng kế hoạch năm học đầu năm)*

| Năm học | Ngành đào tạo hệ chính quy | | | | | | Tổng |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Kế Toán | | | QTKD | | TCNH | |
| | Đại học | Cao đẳng | Trung cấp | Đại học | Cao đẳng | Cao đẳng | |
| 2015 – 2016 | 489 | 201 | 142 | 476 | 156 | 32 | 1.496 |
| 2016 – 2017 | 530 | 181 | 18 | 500 | 147 | 28 | 1.404 |
| 2017 – 2018 | 480 | 139 | 0 | 456 | 157 | 19 | 1.251 |
| 2018 – 2019 | 521 | 102 | 0 | 604 | 118 | 0 | 1.345 |

***1.3.2. Chương trình đào tạo***

Từ năm 2011, Trường ĐHĐN thực hiện đào tạo theo tín chỉ. Chương trình đào tạo hệ chính quy trình độ Đại học ngành Kế toán và Quản trị kinh doanh được Bộ GD&ĐT chấp thuận theo Quyết định số 245/QĐ-BGDĐT, ngày 12/01/2011. Giai đoạn từ năm 2014 – 2018, Khoa thực hiện đào tạo hệ Đại học (ngành Kế toán; Quản trị kinh doanh) và Cao đẳng chính quy (ngành Kế toán; Quản trị kinh doanh; Tài chính ngân hàng).

CTĐT được khoa điều chỉnh qua các năm để phù hợp với năng lực của người học và nhu cầu xã hội. Tháng 1/2016, khoa thực hiện "Điều chỉnh chương trình khung đào tạo hệ chính quy Đại học, Cao đẳng ngành Kế toán và CĐ ngành Tài chính ngân hàng" dựa trên việc rà soát đối chiếu với Quy chế đào tạo số 43/2007/QĐ-BGDĐT; Thông tư 57/2012/TT- BGDĐT; thông báo số 31/TB-ĐHĐN, ngày 06/01/2016 của Trường Đại học Đồng Nai về việc "Thẩm định, sửa đổi chương trình Đại học chính quy". Nội dung điều chỉnh:

+ Tổng số tín chỉ toàn chương trình khung mới đề nghị điều chỉnh bậc Đại học ngành Kế toán là 130 tín chỉ, bậc Cao đẳng Kế toán và Cao Đẳng Tài chính Ngân hàng là 95 tín chỉ (thay vì 143 tín chỉ đối bậc Đại Học và 109 đến 112 tín chỉ đối với bậc Cao đẳng trong chương trình cũ).

+ Sắp xếp lại các môn học theo trình tự thời gian nhằm đảm bảo điều kiện tiên quyết của những môn chuyên ngành, đảm bảo khoa học trong giảng dạy.

+ Giảm bớt môn, tăng thời lượng giảng dạy và thêm một số môn nhằm chuyên sâu chương trình đào tạo theo chuyên ngành. Phù hợp với xu hướng đào tạo liên thông sau này.

+ Đối với học phần tự chọn trong CTĐT phong phú cho người học nhiều cơ hội lựa chọn để phát triển kỹ năng nghề nghiệp, sắp xếp theo hướng như sau: chuyên ngành Kế toán sẽ cho sinh viên lựa chọn thêm một số môn ở ngành Tài chính Ngân Hàng hoặc Quản trị Kinh doanh và ngược lại, chuyên ngành là Tài chính - Ngân hàng thì cho sinh viên lựa chọn môn học ở ngành Kế toán hoặc Quản trị Kinh doanh. Việc sắp xếp như trên, đảm cho cho sinh viên tự lựa chọn thêm môn ở lĩnh vực khác gần với chuyên ngành. Đồng thời công tác giảng dạy và quản lý chuyên môn ở Khoa được chặt chẽ, hạn chế việc mời giảng viên thỉnh giảng bên ngoài.

Trong năm 2018, khoa xây dựng chương trình đào tạo trình độ Đại học ngành Tài chính – Ngân hàng và đề xuất với nhà trường tiến hành thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT tạo trình độ Đại học ngành Tài chính – Ngân hàng (QĐ số 1255/QĐ-ĐHĐN, ngày 19/10/2018).

Tháng 11/2018, Khoa thực hiện điều chỉnh thời gian học giữa lý thuyết – thực hành của chương trình đào tạo hệ Cao đẳng ngành Kế toán và Quản trị kinh doanh cho phù hợp với mục tiêu đào tạo nâng cao kỹ năng nghề nghiệp và quy định của Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH, ngày 01/3/2017 của Bộ Lao động thương binh và xã hội về việc Quy định Quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng. Nội dung điều chỉnh: Tăng thêm giờ học thực hành lên 15 giờ / học phần (cụ thể: môn 2 tín chỉ: 15 giờ lý thuyết, 30 giờ thực hành; môn 3 tín chỉ: 30 giờ lý thuyết, 30 giờ thực hành; môn 4 tín chỉ: 45 giờ lý thuyết và 30 giờ thực hành), trong đó lý thuyết chiếm tỷ lệ từ 30 – 50 %, thực hành chiếm tỷ lệ từ 50 – 70%. Tất cả các học phần đều có đề cương chi tiết hoàn chỉnh, có đủ giảng viên đảm nhiệm.

**Cấu trúc CTĐT cụ thể như sau:**

**+ *Chương trình đào tạo hệ Đại học ngành Kế toán (mã 7340301):*** hình thức đào tạo chính quy tập trung, thời gian đào tạo 4 năm (8 học kỳ):

| STT | Khối kiến thức | Số tín chỉ | Học kỳ | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| 1 | Kiến thức chung | 31 | | | | | | | | |
| 2 | Kiến thức cơ sở ngành | 43 | | | | | | | | |
| 3 | Kiến thức chuyên ngành, trong đó: | 53 | | | | | | | | |
| 3.1 | Học phần bắt buộc | 39 | | | | | | | | |
| 3.2 | Học phần tự chọn | 6 | | | | | | | | |
| 3.3 | Thực tập tốt nghiệp | 8 | | | | | | | | |
| 4 | Khóa luận hoặc các học phần thay thế | 5 | | | | | | | | |
| **TỔNG TÍN CHỈ** | | **132** | **15** | **17** | **19** | **18** | **18** | **16** | **16** | **13** |

**+ *Chương trình đào tạo hệ Đại học ngành QTKD (mã 7340101):*** hình thức đào tạo chính quy tập trung, thời gian đào tạo 4 năm (8 học kỳ):

| STT | Khối kiến thức | Số tín chỉ | Học kỳ | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| 1 | Kiến thức chung | 31 | | | | | | | | |
| 2 | Kiến thức cơ sở ngành | 48 | | | | | | | | |
| 3 | Kiến thức chuyên ngành, trong đó: | 49 | | | | | | | | |
| 3.1 | Học phần bắt buộc | 35 | | | | | | | | |
| 3.2 | Học phần tự chọn | 6 | | | | | | | | |
| 3.3 | Thực tập tốt nghiệp | 8 | | | | | | | | |
| 4 | Khóa luận hoặc các học phần thay thế | 5 | | | | | | | | |
| **TỔNG TÍN CHỈ** | | **133** | **15** | **17** | **19** | **15** | **19** | **17** | **18** | **13** |

**+ *Chương trình đào tạo hệ Cao đẳng ngành Kế toán (mã 6340301):*** hình thức đào tạo chính quy tập trung, thời gian đào tạo 2,5 năm (5 học kỳ):

| STT | Khối kiến thức | Số tín chỉ | Lý thuyết | Thực hành | Học kỳ | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 1 | Kiến thức chung | **18** | | | | | | | |
| 3 | Mô đun chuyên môn: | **70** | | | | | | | |
| 3.1 | Mô đun cơ sở | 35 | | | | | | | |
| 3.2 | Mô đun chuyên ngành | 32 | | | | | | | |
| 3.3 | Học phần tự chọn | 3 | | | | | | | |
| **TỔNG TÍN CHỈ** | | **88** | **738** | **1185** | **16** | **18** | **20** | **23** | **11** |

**+ *Chương trình đào tạo hệ Cao đẳng ngành QTKD (mã 6340101):*** hình thức đào tạo chính quy tập trung, thời gian đào tạo 2,5 năm (5 học kỳ):

| STT | Khối kiến thức | Số tín chỉ | Lý thuyết | Thực hành | Học kỳ | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 1 | Kiến thức chung | **18** | | | | | | | |
| 3 | Mô đun chuyên môn: | **72** | | | | | | | |
| 3.1 | Mô đun cơ sở | 36 | | | | | | | |
| 3.2 | Mô đun chuyên ngành | 33 | | | | | | | |
| 3.3 | Học phần tự chọn | 3 | | | | | | | |
| **TỔNG TÍN CHỈ** | | **90** | **813** | **1092** | **16** | **18** | **20** | **22** | **14** |

**+ *Chương trình đào tạo hệ Cao đẳng ngành TCNH (mã 6340201):*** hình thức đào tạo chính quy tập trung, thời gian đào tạo 2,5 năm (5 học kỳ):

| STT | Khối kiến thức | Số tín chỉ | Lý thuyết | Thực hành | Học kỳ | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 1 | Kiến thức chung | **18** | | | | | | | |
| 3 | Mô đun chuyên môn: | **70** | | | | | | | |
| 3.1 | Mô đun cơ sở | 35 | | | | | | | |
| 3.2 | Mô đun chuyên ngành | 32 | | | | | | | |
| 3.3 | Học phần tự chọn | 3 | | | | | | | |
| **TỔNG TÍN CHỈ** | | **88** | **783** | **1094** | **16** | **18** | **20** | **21** | **13** |

### 1.4. Công tác quản lý viên chức và người học

#### *1.4.1. Công tác quản lý viên chức thuộc khoa*

- Viên chức trong khoa luôn hoàn thành nhiệm vụ được giao, thực hiện hoàn tất giảng dạy các học phần kịp thời, đúng tiến độ về thời gian và đảm bảo chất lượng cho sinh viên các hệ đào tạo. Phân công chuyên môn hợp lý, đúng trình độ chuyên môn và nghiệp vụ. Đảm bảo các giảng viên đủ số tiết quy định. Phân công vị trí việc làm phù hợp với năng lực của từng viên chức, có bản kế hoạch năm học hoàn chỉnh, chi tiết từng năm học. Mỗi học kỳ các Tổ bộ môn đều lên kế hoạch dự giờ đánh giá giờ dạy, góp ý cho giảng viên một cách cụ thể nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy. Mặt khác, hồ sơ chuyên môn đều được kiểm tra định kỳ từng năm, có sổ theo dõi giảng dạy của giảng viên.

Hàng năm khoa tổ chức đánh giá, xếp loại viên chức và bình xét thi đua khen thưởng. Trong giai đoạn từ 2014 – 2018, 100% viên chức trong đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ được

phân công, đạt danh hiệu lao động tiên tiến. Trong đó, nhiều viên chức được nhà trường đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở, chiến sĩ thi đua cấp tỉnh và nhận giấy khen của nhà trường.

| Năm học | Thành tích cá nhân | Số/ngày Quyết định |
|---|---|---|
| 2014-2015 | * Chiến sĩ thi đua cơ sở: 04 viên chức<br>* Giấy khen của Trường: 03 viên chức | Số 516/QĐ-UBND, ngày 22/6/2015 |
| 2015- 2016 | * Chiến sĩ thi đua cơ sở: 05 viên chức<br>* Giấy khen của Trường: 05 viên chức | Số 633/QĐ-UBND, ngày 01/7/2016 |
| 2016-2017 | * Chiến sĩ thi đua cơ sở: 05 viên chức<br>* Giấy khen của Trường: 05 viên chức | Số 786/QĐ-UBND, ngày 08/8/2017 |
| 2017-2018 | * Bằng khen của UBND Tỉnh: 01 viên chức<br>* Chiến sĩ thi đua cơ sở: 03 viên chức<br>* Giấy khen của Trường: 04 viên chức | - Số 4097/QĐ-UBND, ngày 19/11/2018<br>- Số 971/QĐ-ĐHĐN, ngày 22/8/2018<br>- Số 971/QĐ-ĐHĐN, ngày 22/8/2018 |

***1.4.2. Công tác quản lý người học thuộc khoa***

- Thường xuyên kết hợp giáo dục kiến thức chuyên môn lồng ghép với giáo dục chính trị, tư tưởng cho sinh viên, nhiều sinh viên được cử đi học lớp cảm tình Đảng và được kết nạp Đảng viên. Định kỳ hàng tháng khoa thực hiện nghiêm túc sinh hoạt chào cờ để rèn luyện, nâng cao ý thức cho sinh viên và kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh. Kiểm tra chặt chẽ, đôn đốc, khuyến khích sinh viên nghiêm túc tham gia các buổi hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng của nhà trường tổ chức: tuần sinh hoạt công dân – sinh viên; tuyên truyền, giáo dục pháp luật; Sinh viên tình nguyện; Phòng chống tệ nạn xã hội. Tuyên dương những sinh viên có ý thức học tập, rèn luyện tốt và cảnh cáo trước toàn khoa những sinh viên vi phạm kỷ luật của nhà trường, của khoa. Nhờ đó, sinh viên luôn có ý thức nghiêm túc chấp hành nội quy, quy định của khoa, nhà trường và Pháp luật.

- Hàng năm phối hợp với Đoàn trường, Hội sinh viên trường và các phòng ban tổ chức thành công các chương trình ngoại khóa rèn luyện kỹ năng cho sinh viên với chuyên đề "Học tập làm theo tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh", "Sinh viên với chủ đề biển đảo", "Định vị bản thân – chìa khóa thành công" (2017), Hội thảo hướng nghiệp (2017), Hội thi "Kể chuyện tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"… Sinh viên trong khoa tích cực tham gia các hoạt động phong trào và đạt nhiều thành tích đáng kể như: giải nhất phần thi " Hồ Chí Minh – Sáng mãi tên người" trong hội thi Olympic các môn khoa học Mác – Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh năm 2016; giải nhất dự thi kể chuyện  học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh cấp Tỉnh; giải nhất bóng đá

nam (2016); được tăng giấy khen Tập thể Ban chấp hành Đoàn khoa đã hoàn thành xuất sắc trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên nhiệm kỳ 2014 – 2017…

- Thành lập quỹ học bổng cho sinh viên: hàng tháng thực hiện trao học bổng tuyên dương sinh viên nghèo vượt khó, học giỏi, rèn luyện tốt tại buổi lễ chào cờ.

- Giai đoạn 2014 – 2018, khoa đã thành lập được Ban cố vấn học tập khoa nhằm mục đích hỗ trợ sinh viên trong hoạt động học tập và rèn luyện. Hàng năm khoa phối hợp với cố vấn học tập thực hiện đánh giá điểm rèn luyện và xét kết quả học tập của sinh viên từng học kỳ, qua đó có phương pháp giải quyết khắc phục tình trạng học tập kém và rèn luyện kém của sinh viên. Ngoài ra, CVHT hỗ trợ khoa trong việc triển khai các văn bản của nhà trường, của khoa tới sinh viên kịp thời.

- Đối với sinh viên khóa cuối, khoa có kế hoạch hướng dẫn thực tập cụ thể cho sinh viên, hỗ trợ sinh viên tìm nơi thực tập phù hợp. 100% sinh viên hoàn thành tốt công tác thực tập cuối khóa và nhiều sinh viên được các doanh nghiệp đánh giá cao.

**1.5. Công tác Nghiên cứu khoa học**

***1.5.1. Nghiên cứu khoa học của giảng viên***

- Nhận thức đầy đủ và sâu sắc về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của hoạt động Nghiên cứu khoa học (NCKH) đối với công tác chuyên môn nên hằng năm lãnh đạo khoa đều đề nghị với Ban giám hiệu nhà trường thành lập Hội đồng khoa học và đào tạo Khoa Kinh tế với nhiệm vụ tổ chức và quản lý hoạt động NCKH của giảng viên trong khoa theo quy định. Các thành viên trong Hội đồng đã thực hiện nghiêm túc chức trách và nhiệm vụ được giao, có nhiều ý kiến đóng góp cho việc nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học của đội ngũ giảng viên trong khoa
- Tổng số đề tài NCKH cấp trường trong giai đoạn 2014 – 2018: 2 đề tài. 100% đề tài NCKH cấp khoa được Hội đồng NCKH nghiệm thu với kết quả đánh giá xếp loại đạt.
- Khuyến khích các giảng viên trong khoa tích cực viết bài báo nghiên cứu, tham gia và các hội thảo khoa học chuyên ngành cấp quốc gia, cấp tỉnh và tại các trường Đại học, học viện có uy tín trong và ngoài nước.

***1.5.2. Nghiên cứu khoa học của sinh viên***

Giai đoạn 2014 – 2018, chủ yếu tập trung vào nghiên cứu các đề tài khi thực hiện báo cáo tốt nghiệp cuối khóa.

**1.6. Công tác thi đua khen thưởng**

- Tập thể khoa luôn thống nhất, đoàn kết và phấn đấu hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ của nhà trường đề ra, được Bộ Giáo dục và Đào tạo khen thưởng về việc "Đạt thành tích xuất sắc trong quá trình xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 1976 – 2016". Cụ thể:

***+ Danh hiệu thi đua:***

| Năm | Danh hiệu thi đua | Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua, cơ quan ban hành quyết định |
|---|---|---|
| 2014 - 2015 | Tập thể lao động tiên tiến | Số 516/QĐ-ĐHĐN, ngày 22 tháng 6 năm 2015,<br>Cơ quan ban hành QĐ: Trường Đại học Đồng Nai |

| Năm | Danh hiệu thi đua | Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua, cơ quan ban hành quyết định |
|---|---|---|
| 2015 - 2016 | Tập thể lao động tiên tiến | Số 633/QĐ-ĐHĐN, ngày 01 tháng 7 năm 2016, Cơ quan ban hành QĐ: Trường Đại học Đồng Nai |
| 2016 - 2017 | Tập thể lao động tiên tiến | Số 786/QĐ-ĐHĐN, ngày 08 tháng 8 năm 2017, Cơ quan ban hành QĐ: Trường Đại học Đồng Nai |
| 2017 - 2018 | Tập thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2017 – 2018 | Số 971/QĐ-ĐHĐN, ngày 22 tháng 8 năm 2018, Cơ quan ban hành QĐ: Trường Đại học Đồng Nai |

+ ***Hình thức khen thưởng:***

| Năm | Hình thức khen thưởng | Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định |
|---|---|---|
| 2015 - 2016 | Bằng khen Bộ trưởng Bộ GD- ĐT | Số 5360/QĐ-Bộ GD-ĐT, ngày 11/11/2016 về việc đạt thành tích xuất sắc trong quá trình xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 1976 – 2016. Cơ quan ban hành QĐ: Bộ Giáo dục và đào tạo |
| 2017 – 2018 | Bằng khen UBND tỉnh Đồng Nai | Số 4097/QĐ-UBND, ngày 19 tháng 11 năm 2018, đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2017 – 2018. Cơ quan ban hành QĐ: UBND tỉnh Đồng Nai |

**1.7. Công tác Đoàn thể và công tác xây dựng phát triển Đảng**

- Dưới sự chỉ đạo của Cấp ủy chi bộ và lãnh đạo khoa, giai đoạn từ năm 2014 – 2018 công tác đoàn thể, xây dựng và phát triển Đảng của Khoa kinh tế phát triển mạnh mẽ, sôi nổi. Viên chức trong đơn vị tích cực tham gia các hoạt động đoàn thể và phong trào của trường, khoa. Xác định công tác xây dựng Đảng là một nhiệm vụ chính trị trọng tâm vì vậy dưới sự chỉ đạo của Cấp ủy chi bộ, Ban lãnh đạo khoa đã giới thiệu nhiều quần chúng ưu tú cho Đảng xem xét kết nạp, kết quả Chi bộ giảng dạy 7 luôn đạt và vượt mức chỉ tiêu kết nạp Đảng đề ra. Trong giai đoạn từ năm 2014 – 2018, Chi bộ luôn đạt danh hiệu "Tập thể chi bộ trong sạch, vững mạnh".

**1.8. Công tác hợp tác quốc tế**

***1.8.1. Hợp tác đào tạo***

Giai đoạn 2014 – 2018, khoa phối hợp với nhà trường trong việc đẩy mạnh hợp tác quốc tế thông qua nhiệm vụ đào tạo sinh viên Lào, Campuchia ở 2 ngành Kế toán, quản trị kinh doanh.

| Khóa | Niên khóa | Ngành học | | Tổng số lượng sinh viên |
|---|---|---|---|---|
| | | KT | QTKD | |
| 4 | 2014 - 2018 | 10 | 5 | 15 |
| 5 | 2015 - 2019 | 1 | 10 | 11 |
| 6 | 2016 - 2020 | 1 | 9 | 10 |
| 7 | 2017 - 2021 | 1 | 3 | 4 |
| **Tổng** | | **13** | **27** | **40** |

*1.8.2. Giao lưu văn hóa*

Năm 2018, khoa phối hợp với nhà trường tổ chức chương trình giao lưu với chủ đề " Từ giáo dục đến văn hóa và phát triển giữa sinh viên khoa Kinh tế trường ĐHĐN và Trường Cao đẳng Tài chính Nam Lào" (số 1371/KH-ĐHĐN-QHQT, ngày 08/11/2018) nhằm mục đích củng cố mối quan hệ hữu nghị, đoàn kết, hợp tác giữa Trường ĐHĐN với Trường Cao đẳng Tài chính Nam Lào, đồng thời giúp sinh viên hai trường có cơ hội giao lưu, trao đổi văn hóa, học thuật.

Hàng năm, Khoa tổ chức các chương trình chào đón tân sinh viên, văn nghệ nhằm tạo điều kiện cho sinh viên trong khoa giao lưu văn hóa, tại các đêm diễn văn nghệ đều có tiết mục múa hát kết hợp giữa sv Lào, Campuchia với sv Việt Nam.

Sinh viên Khoa Kinh tế cũng tham gia nhiều sự kiện giao lưu văn hóa do Nhà trường và tỉnh Đồng Nai tổ chức như tết cổ truyền Lào, Camphuchia, giao lưu văn hóa hữu nghị Việt Nam - Lào tỉnh Đồng Nai…

**1.9. Công tác xã hội**

Hàng năm, viên chức và sinh viên Khoa Kinh tế đều tham gia các hoạt động xã hội, làm từ thiện cùng với nhiều chương trình phong phú. Đẩy mạnh tinh thần đoàn kết trong khoa qua các hoạt động thiện nguyện " lá lành đùm lá rách", " Xuân yêu thương"… nhằm hỗ trợ giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn TP. Biên Hòa. Ngoài ra, tham gia chương trình "Mùa hè xanh"; tham gia hiến máu nhân đạo…

**1.10. Công tác cơ sở vật chất, tài chính**

Cơ sở vật chất phục vụ công tác đào của Khoa Kinh tế được đầu tư khang trang với hệ thống phòng học đầy đủ thiết bị phục vụ giảng dạy – học tập, sinh hoạt đoàn thể. Từ năm 2014 – 2017, khoa hoạt động tại cơ sở 1 Trường Đại học Đồng Nai, từ tháng 8/2018 khoa được phân công cơ sở vật chất phục vụ đào tạo tại cơ sở 3 với số lượng: 04 dãy phòng dạy học (A,B,C,D); 04 phòng máy thực hành (36 máy/phòng); 01 Hội trường 500; 01 phòng họp; 01 thư viện phục vụ sinh viên và giảng viên, 01 văn phòng làm việc cho lãnh đạo và chuyên viên hành chính của khoa.

**1.11. Công tác đảm bảo chất lượng**

Khoa Kinh tế triển khai tốt các hoạt động dự giờ, đánh giá giờ dạy của giảng viên từng học kỳ. Hàng năm triển khai lấy ý kiến đánh giá của người học về chất lượng giảng dạy của giảng viên, góp ý, rút kinh nghiệm theo nhóm chuyên môn để cải thiện, nâng cao chất lượng giảng dạy.

Khoa Kinh tế thực hiện lấy ý kiến của Nhà tuyển dụng cũng như các cơ quan, doanh nghiệp cho sinh viên thực tập, bằng cách gặp gỡ, phỏng vấn và phiếu khảo sát, qua đó, thường xuyên rút kinh nghiệm để cập nhật, bổ sung, hoàn thiện chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, phương pháp giảng dạy nhằm mục đích nâng cao chất lượng đào tạo phù hợp với nhu cầu việc làm của xã hội.

**2. NHỮNG CÔNG TÁC CHƯA THỰC HIỆN ĐƯỢC, NGUYÊN NHÂN**

**2.1. Nghiên cứu khoa học**

*2.1.1. Nghiên cứu khoa học của giảng viên*

- Giai đoạn từ năm 2014 – 2018, hoạt động Nghiên cứu khoa học của giảng viên vẫn còn ít đề tài hướng đến việc xây dựng thành giáo trình giảng dạy, số lượng đề tài cấp trường, bài báo khoa học trên các tạp chí uy tín trong nước và quốc tế thấp.
- Chưa hình thành được các nhóm nghiên cứu mạnh tập trung vào việc tham gia đấu thầu thực hiện các đề tài, nhiệm vụ KHCN của bộ, ngành, Nhà nước cũng như tìm kiếm các nguồn tài trợ quốc tế.
- Chưa tổ chức được các chương trình Hội thảo khoa học của khoa.

*2.1.2. Nghiên cứu khoa học của sinh viên*

Nghiên cứu khoa học của sinh viên Khoa Kinh tế giai đoạn 2014 – 2018 chưa thực hiện. Sinh viên chủ yếu tập trung vào nghiên cứu các đề tài khi thực hiện báo cáo tốt nghiệp – đây là hạn chế lớn của Khoa Kinh tế.

***Nguyên nhân:***

- Do điều kiện đội ngũ giảng viên hầu hết là nữ (chiếm tỷ lệ trên 80% tổng số giảng viên trong khoa) đang trong độ tuổi thai sản, con nhỏ nên hạn chế về mặt thời gian để tập trung nghiên cứu.
- Đối với NCKH của sinh viên, do đặc thù của khối ngành Kinh tế chủ yếu là thực hành ở các dạng bài tập để tạo sự thuần thục trong kỹ năng, nghiệp vụ chuyên môn cho sinh viên.
- Nhà trường chưa có các chính sách ưu đãi thu hút sự quan tâm, phát huy được tính đam mê nghiên cứu khoa học của giảng viên, sinh viên.

Đây là những hạn chế của Khoa Kinh tế nói riêng cũng như của Nhà trường nói chung cần phải khắc phục.

**2.2. Chiến lược phát triển mã ngành đào tạo**

Mục tiêu mở thêm mã ngành đào tạo trình độ Đại học ngành Tài chính ngân hàng trong năm 2018 đến nay vẫn chưa được thực hiện. Nguyên nhân một phần do đội ngũ giảng dạy có trình độ tiến sĩ trong khoa rất ít, giai đoạn 2014 - 2018 khoa chỉ có 01 giảng viên có trình độ tiến sĩ, khoa thiếu trầm trọng giảng viên có trình độ cao để thực hiện các chiến lược tuyển sinh và phát triển thêm các mã ngành đào tạo khối kinh tế.

**2.3. Chiến lược hoàn thiện cơ cấu quản lý và phát triển đội ngũ giảng dạy**

- Giai đoạn 2014 – 2018, khoa chưa hoàn thiện được đội ngũ quản lý cấp khoa. Tính tới năm 2018, không có Trưởng khoa, chỉ có 01 Phó Trưởng khoa kiêm phụ trách khoa, 01 trưởng bộ môn Quản trị kinh doanh, 01 Phụ trách bộ môn Kế toán.
- Công tác phát triển đội ngũ giảng dạy có trình độ cao vẫn chưa thực hiện được, tỉ lệ giảng viên có trình độ Tiến sĩ ở khoa quá thấp. Số lượng viên chức tham gia học tập Nghiên cứu sinh còn ít, điều này sẽ ảnh hưởng rất lớn đến công tác tuyển sinh và phát triển các mã ngành Đào tạo ở khoa. Đội ngũ giảng viên cán bộ khoa học đầu ngành còn hạn chế về số lượng.
- Chưa xây dựng được các đề án trung và dài hạn với các mục tiêu đào tạo để công tác đào tạo, bồi dưỡng được gắn liền với các hoạt động phát triển đội ngũ một cách hợp lý, khoa học đảm bảo tính ổn định và có kế hoạch trong triển khai.
- Công tác đào tạo, bồi dưỡng mặc dù có tiến triển nhưng chưa thực sự gắn kết với hoạt động giảng dạy, các giảng viên có trình độ cử nhân Tiếng Anh nhưng lại không thể tham gia giảng dạy các học phần Tiếng Anh, chủ yếu chỉ phục vụ hoạt động bổ nhiệm các chức danh nghề nghiệp.

***Nguyên nhân:***

- Đội ngũ giảng viên trong khoa phần lớn là nữ trong độ tuổi thai sản nên ảnh hưởng tới việc học tập nâng cao trình độ chuyên môn, khó thực hiện mục tiêu nghiên cứu sinh.
- Lãnh đạo khoa có đề xuất tham mưu tuyển dụng giảng viên có trình độ tiến sĩ trở lên để nâng cao chất lượng đào tạo và thực hiện mục tiêu mở mã ngành đào tạo. Tuy nhiên cho tới nay, Nhà trường vẫn chưa tuyển dụng được số lượng giảng viên có trình độ Tiến sĩ như đã đề xuất.
- Chính sách đãi ngộ đối với giảng viên có trình độ cao vẫn còn quá thấp, chưa thật sự hấp hẫn và có sức cạnh tranh đối với những trường khác trên địa bàn tỉnh.

**2.4. Công tác tuyển sinh**

Công tác tuyển sinh các ngành Kế toán và Quản trị kinh doanh hệ Liên thông, Văn bằng 2, Vừa làm vừa học vẫn chưa đạt hiệu quả cao, số lượng tuyển sinh còn quá thấp. Năm 2018, khoa

có thực hiện tuyển sinh ĐH liên thông, văn bằng 2 hệ vừa làm vừa học tuy nhiên số lượng hồ sơ dự tuyển quá thấp, không đủ chỉ tiêu để thực hiện đào tạo.

***Nguyên nhân:***

Quy trình, thủ tục tuyển sinh rườm rà, phức tạp và liên quan đến nhiều đơn vị phòng ban chưa có sự phối hợp, thống nhất trong khâu tổ chức tuyển sinh.

**2.5. Công tác đào tạo**

Kết quả học tập của người học giai đoạn 2014 – 2018 chưa cao, số lượng sinh viên học lại, bị cảnh báo kết quả học tập vẫn còn nhiều, tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên khóa cuối còn thấp, đặc biệt là hệ Cao đẳng  nếu chỉ tính ở xét đợt 1, đợt 2 trong năm. Cụ thể:

*Bảng 1. Thống kê tỷ lệ NH tốt nghiệp trong giai đoạn 2014 - 2018*

| NĂM HỌC | KHÓA | Số NH nhập học | Số NH tốt nghiệp | Tỷ lệ (%) | Phân loại tốt nghiệp | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Xuất sắc | Giỏi | Khá | Trung bình |
| **HỆ ĐẠI HỌC** | | | | | | | | |
| 2014 – 2015 | 1 | 193 | 164 | 85% | 0 | 8 | 122 | 34 |
| 2015 – 2016 | 2 | 229 | 162 | 70,7% | 1 | 12 | 117 | 32 |
| 2016 – 2017 | 3 | 279 | 195 | 69,9% | 0 | 13 | 128 | 54 |
| 2017 – 2018 | 4 | 338 | 282 | 83,4% | 0 | 3 | 163 | 116 |
| **HỆ CAO ĐẲNG** | | | | | | | | |
| 2014 – 2015 | 37 | 187 | 92 | 49% | 0 | 0 | 41 | 51 |
| 2015 – 2016 | 38 | 140 | 35 | 25% | 0 | 0 | 10 | 25 |
| 2016 – 2017 | 39 | 118 | 31 | 26,3% | 0 | 0 | 16 | 15 |
| 2017 – 2018 | 40 | 84 | 56 | 66,6% | 0 | 3 | 28 | 25 |

***Nguyên nhân:***

- Do sinh viên ở trọ xa nhà thiếu sự quan tâm, quản lý chặt chẽ của gia đình nên lơ là việc học, kết quả học tập thấp. Mặt khác, nhiều sinh viên không thực sự đam mê với ngành mình theo học nên khi học được một đến hai học kỳ sẽ nản và nghỉ học.
- Nhiều sinh viên có xu hướng thích đi làm thêm nên bỏ học thường xuyên, dẫn đến kết quả học tập chưa cao.

**2.6. Hợp tác với các doanh nghiệp**

Giai đoạn 2014 – 2018 việc hợp tác với các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh vẫn còn nhiều hạn chế, do thiếu nguồn kinh phí tổ chức, khoa không được chủ động về nguồn kinh phí. Hoạt động xây dựng mối quan hệ với các doanh nghiệp chủ yếu được được quan tâm từ năm 2018 và phần lớn dựa vào mối quan hệ cá nhân, chưa có những phát triển đột phá.

# PHẦN III. BỐI CẢNH VÀ THỰC TRẠNG

## 1. BỐI CẢNH QUỐC TẾ VÀ TRONG NƯỚC

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đã và đang tác động trực tiếp đến nhiều lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực giáo dục. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, cơ sở giáo dục Đại học không chỉ là nơi đào tạo, nghiên cứu mà còn là trung tâm đổi mới sáng tạo giải quyết các vấn đề thực tiễn mang giá trị cho xã hội. Xu thế toàn cầu hóa cũng đang tác động mạnh mẽ đến việc quốc tế hóa các chương trình giáo dục Đại học, trong đó chú trọng các yếu tố sau: *Tri thức phải mang tính tích hợp cao gắn với bối cảnh thực tiễn đời sống – kinh tế - xã hội – thế giới; kỹ năng đòi hỏi tiếp cận giao tiếp quốc tế, công nghệ thông tin, đổi mới sáng tạo và giải quyết vấn đề theo hướng tích hợp.*

Điều này đặt ra cho giáo dục và đào tạo sứ mệnh to lớn là chuẩn bị đội ngũ nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước. Vấn đề mà nhiều quốc gia đều nhận thấy và đặt ra đó là chuyển từ một nền giáo dục nặng về trang bị kiến thức cho người học sang một nền giáo dục giúp phát triển năng lực, kỹ năng thúc đẩy đổi mới và sáng tạo cho người học. Với dòng chảy của các mô hình học tập mới cùng sự phát triển của khoa học công nghệ, các phương pháp giáo dục truyền thống chắc chắn sẽ chịu nhiều thách thức. Một trong những điểm nổi bật là sự phân hóa đến từng đối tượng người học. Mỗi người học có nhu cầu và khả năng học tập khác nhau. Các tiến bộ về công nghệ cho phép các nhà giáo dục có thể thiết kế lộ trình học tập riêng biệt phù hợp với từng nhóm đối tượng cụ thể. Các phần mềm giáo dục đã được đưa vào sử dụng có khả năng thích nghi với năng lực của mỗi người. Bên cạnh đó, việc tiếp cận thông tin trở nên dễ dàng hơn bao giờ hết dẫn đến một câu hỏi mà các nhà giáo dục cần phải trả lời là xác định kiến thức cốt lõi mà người học cần được trang bị trong tương lai.

Trước viễn cảnh về sự phát triển của giáo dục trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, giáo dục Việt Nam có những thuận lợi căn bản để đón nhận cơ hội phát triển mà cuộc cách mạng công nghiệp này mang đến. Đảng và Nhà nước ta luôn dự liệu trước những thách thức trong hoạt động giáo dục cho thế hệ tương lai. Ngày 04/11/2013, Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI đã thông qua Nghị quyết số 29-NQ/TW *Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*. Quan điểm chỉ đạo đổi mới giáo dục của Nghị quyết là: "Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học. Học đi đôi với hành; lý luận gắn với thực tiễn; giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội". Ngày 04/5/2017, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 16/CT-TTg *Về việc tăng cường năng lực tiếp cận Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư* với nhiều giải pháp quan trọng. Trong đó, Thủ tướng yêu cầu thay đổi mạnh mẽ các chính sách, nội dung, phương pháp giáo dục nhằm tạo ra nguồn nhân lực có khả năng tiếp nhận các xu thế công nghệ sản xuất mới. Ngày 05/5/2017, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã gửi Công văn số 1891/BGDĐT-GDĐH tới tất cả các cơ sở giáo dục Đại học để định hướng chỉ đạo về đào tạo nguồn nhân lực có khả năng thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư từ năm 2018, đây sẽ là một trong các nội dung cơ bản để đánh giá, định hướng phát triển cho toàn ngành.

**Một số định hướng đối với giáo dục Việt Nam trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư**

*Một là, gắn việc dạy và học với thực tiễn.*

Giáo dục cần phải mô phỏng và chuẩn bị cho người học bước vào cuộc sống thực tiễn càng nhiều càng tốt khi công nghệ đã làm cho khả năng tiếp cận kiến thức trở nên dễ dàng khiến kiến

thức không còn mang ý nghĩa "bảo hiểm" cho tương lai của người học như trước đây. Một trong những cách tiếp cận phù hợp là tăng cường giáo dục khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học (giáo dục STEM) trong nhà trường. Theo đó, người học sẽ được trang bị kiến thức gắn liền với những ứng dụng của chúng trong thực tiễn; được trải nghiệm tìm tòi, khám phá công nghệ gắn với kiến thức được học trong chương trình giáo dục; được khuyến khích sáng tạo khoa học, kỹ thuật nhằm cải thiện phát triển công nghệ mới. Đây là một cách tiếp cận liên môn nhằm trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng để người học có thể áp dụng để giải quyết vấn đề trong cuộc sống.

*Hai là, đa dạng hóa các lộ trình giáo dục và hình thức đào tạo*

Mỗi sinh viên sẽ có nhu cầu và khả năng học tập khác nhau và nhiệm vụ của giáo dục là phát hiện, nuôi dưỡng và tạo động lực để người học xác định và theo đuổi sự quan tâm, niềm đam mê của mình. Điều này đòi hỏi hệ thống giáo dục cần cung cấp các lộ trình giáo dục đa dạng để phục vụ cho những khuynh hướng học tập và phong cách học tập khác nhau của mỗi cá nhân. Mặt khác, trong xu thế công nghệ như hiện nay, việc phát triển các loại hình đào tạo là điều hết sức cần thiết để đáp ứng nhu cầu của người học. Ngoài hình thức đào tạo tập trung, thì phát triển thêm các loại hình đào tạo từ xa, trực tuyến, đào tạo ngắn hạn…. Đây cũng là giải pháp thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục "Hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng hệ thống giáo dục mở, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập" theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI.

*Ba là, đẩy mạnh dạy và học ngoại ngữ, nhất là tiếng Anh; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong học tập và quản lý.*

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Đề án dạy và học ngoại ngữ giai đoạn 2017 – 2025 với một số định hướng, như "tạo bước đột phá về chất lượng dạy và học ngoại ngữ cho các cấp học và trình độ đào tạo, khuyến khích đưa ngoại ngữ vào nhà trường từ bậc mầm non và các hoạt động xã hội. Đẩy mạnh dạy ngoại ngữ tích hợp trong các môn học khác và dạy các môn học khác (như toán và các môn khoa học, môn chuyên ngành...) bằng ngoại ngữ. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tiên tiến trong dạy và học ngoại ngữ với hệ thống học liệu điện tử phù hợp mọi đối tượng để người học có thể học ngoại ngữ, tiếp cận tiếng bản ngữ mọi lúc, mọi nơi, bằng mọi phương tiện, đặc biệt trong phát triển kỹ năng nghe và kỹ năng nói. Tạo môi trường học ngoại ngữ trong nhà trường, gia đình và xã hội để giáo viên, giảng viên, thành viên gia đình và người học (học sinh, sinh viên...) cùng học ngoại ngữ...".

Bên cạnh đó, chương trình giáo dục của chúng ta cần bảo đảm cho người học được trang bị những hiểu biết về kỹ thuật số và công nghệ ở tất cả các cấp bậc học để dễ dàng tiếp cận những tiến bộ về khoa học và công nghệ. Việc tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý giáo dục cũng cần được đặc biệt chú trọng. Ngành giáo dục đang tiếp tục đẩy mạnh tin học hóa trong quản lý, quyết tâm xây dựng hệ thống thông tin kết nối thông suốt giữa Bộ Giáo dục và Đào tạo với các sở giáo dục và đào tạo, xây dựng cơ sở dữ liệu chung của toàn ngành.

*Bốn là, nâng cao năng lực và mở rộng vai trò của các trường Đại học.*

Để tăng cường tính cạnh tranh của nguồn nhân lực, bên cạnh việc không ngừng nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học và giảng dạy, các trường đại học cần thể hiện vai trò tiên phong của mình trong việc thực hiện sứ mệnh đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo. Tác động của một trường đại học sẽ không còn giới hạn trong việc giáo dục và thay đổi cuộc sống của sinh viên. Đại học phải là bệ đỡ thúc đẩy sáng tạo, cung cấp một bệ phóng cho các doanh nhân trong tương lai và các công ty khởi nghiệp, giữ nhịp phát triển cho các ngành công nghiệp. Bộ Giáo dục và Đào tạo đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định phê duyệt Đề án hỗ trợ sinh

viên khởi nghiệp đến năm 2025; chỉ đạo các trường đổi mới công tác xây dựng chương trình đào tạo, trong đó có sự tham gia của các nhà quản lý, các nhà sử dụng lao động; xây dựng và công bố chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo; hỗ trợ việc phối hợp giữa các cơ sở giáo dục đại học với các doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động trong việc đào tạo; chỉ đạo các cơ sở giáo dục đại học tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp để gắn đào tạo với nhu cầu của thị trường lao động trong và ngoài nước.

Các trường Đại học cũng cần đón đầu xu hướng là thời gian đào tạo người lao động trình độ cao sẽ không chỉ giới hạn trong 4 hay 5 năm, mà là trong suốt cuộc đời lao động của họ, khi người học tiếp tục quay trở lại để có thêm kiến thức và kỹ năng sau khi tốt nghiệp. Vì vậy, tư duy cũ của nền giáo dục đón đầu sẽ thay đổi, khi các trường đại học xác định quá trình học tập suốt đời như là một phần của sứ mệnh của mình. Để giúp các cơ sở giáo dục đại học phát huy khả năng chủ động, sáng tạo, nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng cường cạnh tranh và đa dạng hóa các loại hình giáo dục đào tạo, đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực của đất nước, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã khẩn trương xây dựng Dự thảo Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học trình Quốc hội phê duyệt và tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Giáo dục đại học sau khi được sửa đổi. Bộ cũng đã trình Chính phủ Nghị định về tự chủ đại học thay thế cho Nghị quyết số 77/NQ-CP, chính thức hóa tự chủ đại học là con đường tất yếu của giáo dục đại học Việt Nam.

Trước bối cảnh thế giới và trong nước đang thay đổi một cách nhanh chóng, các cơ sở giáo dục cần nhìn nhận lại để nâng cao khả năng đáp ứng. Các cơ quan, doanh nghiệp cũng phải thích ứng với môi trường đang thay đổi và cần phải xác định tầm quan trọng của việc xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực hướng đến mục tiêu phát triển bền vững thông qua hợp tác với các trường đại học.

## 2. THỰC TRẠNG KHOA KINH TẾ - TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI

Khoa Kinh tế Trường Đại học Đồng Nai có quá trình xây dựng, trưởng thành gần 5 năm, mặc dù quá trình hình thành và phát triển chưa lâu nhưng đã có nguồn lực, những thành tựu và kinh nghiệm quý báu cần thiết cho sự phát triển nhanh, mạnh và bền vững trong tương lai.

Để có cơ sở xác định mục tiêu, chiến lược phát triển trong tương lai, Khoa Kinh tế sử dụng phương pháp SWOT để phân tích điểm mạnh (Strengths-S), điểm yếu (Weaknesses-W), thời cơ (Opportunities-O), thách thức (Threats-T) của môi trường liên quan. Trong đó, điểm mạnh và điểm yếu chính là những yếu tố chủ quan nội lực (bên trong); thời cơ và thách thức chính là những yếu tố khách quan ngoại lực (bên ngoài).

### 2.1. Điểm mạnh của Khoa Kinh tế

#### *2.1.1. Đội ngũ nhân sự và sinh viên*

- Đội ngũ giảng viên có độ tuổi bình quân trẻ, có khả năng tiếp cận nhanh công nghệ mới, năng động tích cực và nhiệt huyết tham gia các hoạt động chuyên môn, hoạt động đoàn thể, luôn đi đầu trong việc đổi mới và sáng tạo. Tính tới tháng 9 năm 2018, tổng số nhân sự của khoa là 30 viên chức. Trong đó: giảng viên: 28 người, chuyên viên: 02 người với các trình độ: tiến sĩ 01 người; thạc sĩ 24 người, đại học: 5 người.

+ Dưới 30: 06 viên chức (chiếm 20 %)

**+ Từ 30 đến 40: 18 viên chức (chiếm 60 %)**

+ Từ 41 đến 50: 04 viên chức (13,3 %)

+ Từ 51 trở lên: 02 viên chức (6,7 %).

- Đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy chiếm 89,1% đủ chuẩn trình độ chuyên môn, nghiệp vụ (01 giảng viên gần về hưu, 02 giảng viên đang theo học Cao học, dự kiến đến năm 2020 giảng viên trong khoa 100% đủ chuẩn trình độ đào tạo để tham gia giảng dạy). Đội ngũ viên chức tham gia công tác hành chính 100% đủ chuẩn về trình độ đào tạo và nghiệp vụ để thực hiện nhiệm vụ hành chính của khoa.

- Tập thể khoa luôn đoàn kết, gắn bó thống nhất cao. Công tác dân chủ cơ sở luôn được phát huy và thực hiện nghiêm túc, bảo đảm quyền dân chủ, công bằng, công khai minh bạch. Kể từ khi thành lập khoa đến nay, đơn vị không có đơn thư khiếu nại tố cáo, không có biểu hiện gây mất đoàn kết nội bộ.

- Tuy mới thành lập từ năm 2014 đến nay nhưng Khoa Kinh tế đã tạo dựng được uy tín về chất lượng đào tạo, mặc dù năm học 2017 – 2018; 2018 – 2019 số lượng người học có giảm hơn so với năm học 2015 – 2016 do hệ cao đẳng ngày càng giảm chỉ tiêu tuyển sinh và có xu hướng ngừng tuyển sinh hệ cao đẳng chính quy trong tương lai gần, tuy nhiên hệ Đại học chính quy ngày càng phát triển với số lượng người học đông.

*Bảng thống kê số liệu chi tiết về người học **hệ chính quy** qua các năm (số liệu dựa vào bảng kế hoạch năm học đầu năm)*

| Năm học | Ngành đào tạo | | | | | | Tổng |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Kế Toán | | | QTKD | | TCNH | |
| | Đại học | Cao đẳng | Trung cấp | Đại học | Cao đẳng | Cao đẳng | |
| 2015 – 2016 | 489 | 201 | 142 | 476 | 156 | 32 | 1.496 |
| 2016 – 2017 | 530 | 181 | 18 | 500 | 147 | 28 | 1.404 |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 2017 – 2018 | 480 | 139 | 0 | 456 | 157 | 19 | 1.251 |
| 2018 – 2019 | 521 | 102 | 0 | 604 | 118 | 0 | 1.345 |

- Sinh viên Khoa Kinh tế luôn năng động, sáng tạo trong học tập và rèn luyện, tích cực tham gia các hoạt động phong trào. Sinh viên tốt nghiệp được các doanh nghiệp đánh giá cao về chất lượng, đáp ứng nhu cầu thị trường việc làm trong tỉnh.

***2.1.2. Chương trình đào tạo ngành Kế toán và Quản trị kinh doanh luôn cập nhật, đổi mới, có quy củ và đảm bảo chất lượng***

Chương trình đào tạo hai ngành Kế toán, Quản trị kinh doanh được xây dựng theo hệ thống tín chỉ, phù hợp với thực tiễn tại Việt Nam. Khoa luôn chú trọng trong việc rà soát, cập nhật để điều chỉnh chương trình đào tạo phù hợp với năng lực của người học và đáp ứng nhu cầu thị trường lao động. Từ năm 2014 – 2018, khoa đã thực hiện rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo 2 lần (2016, 2018).

Chương trình đào tạo được thiết kế khoa học, cân đối giữa lý thuyết và thực hành với mục tiêu đào tạo ra các cử nhân có đầy đủ kiến thức cơ bản về kinh tế – xã hội, có kỹ năng, có phẩm chất đạo đức tốt và có năng lực tự học tập để thích nghi với môi trường xã hội và hội nhập quốc tế. Chương trình đào tạo được xây dựng theo hướng tích cực ứng dụng công nghệ thông tin, đẩy mạnh đào tạo thực hành và kỹ năng, xây dựng chuẩn đầu ra người học tối thiểu phải thành thạo Công nghệ thông tin cơ bản, có chứng chỉ A ngoại ngữ hoặc chứng chỉ tương đương (đối với hệ CĐ), có chứng chỉ Ứng dụng CNTT nâng cao, chứng chỉ B ngoại ngữ hoặc chứng chỉ tương đương (đối với hệ ĐH).

Bên cạnh đó, tất cả các môn học đều có đề cương chi tiết học phần đầy đủ, chỉn chu.

***2.1.3. Nguồn lực nghiên cứu khoa học của Khoa Kinh tế có tiềm năng***

Đội ngũ giảng viên Khoa Kinh tế trẻ, có khả năng tìm tòi, học hỏi và vận dụng công nghệ thông tin vào nghiên cứu và giảng dạy. Một số giảng viên đã chủ trì và tham gia một số công trình nghiên cứu, đã xuất bản một số đầu sách, tạp chí, bài báo trong nước và quốc tế.

Từ năm 2018, Khoa chú trọng xuất bản các tài liệu giáo trình đem vào giảng dạy. Ngoài ra, hằng năm đều tổ chức các nhóm biên soạn tài liệu giáo trình đem vào ứng dụng dạy học với mục đích tạo sự thống nhất, chỉn chu về hình thức và tối ưu về kiến thức nội dung.

***2.1.4. Xây dựng mối quan hệ hợp tác lâu dài với các doanh nghiệp***

Từ năm 2018, Khoa Kinh tế đã xây dựng được mối quan hệ hợp tác lâu dài với các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai nhằm hỗ trợ người học trong quá trình thực tập cuối khóa, tìm kiếm việc làm sau khi ra trường qua các chương trình "giới thiệu thực tập sinh với doanh nghiệp", "Ngày hội việc làm" hàng năm. Ngoài ra thông qua việc hợp tác, các doanh nghiệp đã hỗ trợ khoa trao các suất học bổng cho người học có hoàn cảnh khó khăn, có thành tích cao trong học tập và rèn luyện.

***2.1.5. Nguồn lực cơ sở vật chất***

Từ năm 2018, Khoa Kinh tế được bố trí ở cơ sở 3 khang trang, rộng rãi với hệ thống phòng học, phòng máy, nhà thể thao, thư viện, hội trường và khu tự học cho người học đầy đủ, đáp ứng nhu cầu giảng dạy – học tập.

Về cơ sở vật chất, trang thiết bị đối với khối ngành Kinh tế rất đơn giản, kinh phí đầu tư thấp (không tốn những khoản kinh phí đầu tư máy móc thiết bị, phòng thí nghiệm, … như các khối ngành khác), chủ yếu đầu tư về mặt con người.

**2.2. Phân tích điểm yếu của khoa**

Bên cạnh các điểm mạnh nêu trên, khoa Kinh tế cũng có những điểm yếu nhất định cần khắc phục để phát triển.

***2.2.1. Đội ngũ quản lý của khoa chưa được hoàn thiện***

Cơ cấu đội ngũ quản lý của đơn vị chưa hoàn thiện so với yêu cầu nhiệm vụ và định hướng phát triển của Khoa trong giai đoạn 2018 - 2023 (thành lập Bộ môn Kinh tế cơ sở nhằm thực hiện chuyên môn sâu trong phân công giảng dạy, thực hiện đào tạo các lớp chứng chỉ ngắn hạn, đào tạo hệ vừa làm vừa học, từ xa…). Hiện nay bộ máy quản lý khoa mới chỉ có 01 Phó trưởng khoa kiêm Phụ trách khoa, vì vậy khó khăn trong việc thực hiện các chiến lược phát triển khoa.

***2.2.2. Khó khăn trong bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên***

- Đội ngũ giảng viên của Khoa Kinh tế hiện nay vẫn chưa đáp ứng được 100% chuẩn về trình độ đào tạo Đại học (còn 03 giảng viên chưa có bằng thạc sĩ), chưa thể đáp ứng yêu cầu về việc phát triển đào tạo thạc sĩ và nghiên cứu khoa học. Số lượng Tiến sĩ hiện nay quá ít (cả khoa chỉ có 01 Tiến sĩ), so với nhiều trường Đại học trong cùng lĩnh vực, đội ngũ cán bộ khoa học đầu ngành tại Khoa Kinh tế còn thấp; quy mô đào tạo ở mức trung bình.

- Giảng viên nữ 24/28 giảng viên chiếm tỷ lệ 86%, phần lớn còn trong độ tuổi thai sản, con nhỏ nên khó khăn, hạn chế trong việc tham gia nghiên cứu sinh và đầu tư cho nghiên cứu khoa học (NCKH).

- Một số giảng viên còn thiếu kinh nghiệm thực tế, hầu hết chỉ giảng dạy ở khoa sau khi ra trường chứ không tham gia kinh doanh, nghiên cứu thực tế tại doanh nghiệp trong khi đó nếu muốn mở rộng và phát triển hệ bồi dưỡng đào tạo ngắn hạn thì kinh nghiệm thực tiễn đóng vai trò rất quan trọng.

***2.2.3. Khó khăn trong phát triển nghiên cứu và ứng dụng ở trình độ cao***

Chưa xây dựng được các nhóm nghiên cứu mạnh để đề xuất và triển khai hiệu quả các đề án nghiên cứu học thuật. Tổ chức các hội thảo khoa học chuyên ngành còn hạn chế do thiếu kinh phí tổ chức và sự đầu tư nghiên cứu ở giảng viên.

Hiện nay, khoa vẫn chưa có nhiều công trình nghiên cứu mang tính ứng dụng phục vụ cho công tác đào tạo ngành Kế toán và Quản trị kinh doanh.

***2.2.4. Khó khăn về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo, nghiên cứu***

Mặc dù khoa được bố trí cơ sở hoạt động khang trang, rộng rãi tuy nhiên trang thiết bị phục vụ dạy – học còn chưa được đầu tư chỉn chu. Phòng máy tính thực hành chưa được hoàn thiện, việc cập nhật dữ liệu phần mềm liên quan chuyên ngành Kế toán chưa được đầu tư kịp thời và đồng bộ.

***2.2.5. Tư liệu phục vụ đào tạo, nghiên cứu khối ngành Kinh tế còn hạn chế, chưa phong phú***

Hiện nay, tài liệu học tập, giáo trình chuyên ngành Kinh tế còn thiếu, chưa đáp ứng được yêu cầu phục vụ chất lượng dạy, học. Số lượng giảng viên tham gia viết giáo trình còn ít, chưa thật sự chuyên sâu nghiên cứu khoa học. Các đầu sách tham khảo về khối ngành kinh tế trong thư viện trường còn chưa được phong phú.

**2.3. Phân tích Cơ hội**

- Thị trường lao động và nhu cầu người học của khối ngành Kinh tế rất lớn, đặc biệt trong giai đoạn hội nhập quốc tế như hiện nay. Thực tế cho thấy, hầu hết tất cả các trường Đại học đều mở rộng phát triển ở khối ngành kinh tế.

- Nguồn tuyển sinh tiềm năng tại địa phương. Đồng Nai là tỉnh cửa ngõ đi vào vùng kinh tế Đông Nam Bộ, là một trong ba góc nhọn của tam giác phát triển Thành phố Hồ Chí Minh – Bình Dương – Đồng Nai và là tỉnh có số lượng khu công nghiệp và cụm công nghiệp rất lớn với

32 khu công nghiệp đứng thứ 3 trong cả nước, vì vậy có thể khẳng định ngay tại địa phương, chúng ta có nguồn tuyển sinh rất tiềm năng.

- Học phí thấp, dễ thu hút người học cũng là một lợi thế lớn. Trường Đại học Đồng Nai là trường Đại học công lập duy nhất trên địa bàn tỉnh, mức học phí theo qui định của nhà nước rất thấp khi so sánh với các trường đại học khác trong tỉnh và khu vực phía nam. Vì vậy, thu hút nguồn tuyển sinh lớn trong cả nước.

- Vị trí khoa đặt tại Cơ sở 3 có cơ sở hạ tầng tốt, gần các khu công nghiệp, nằm gần Bình Dương và TP.HCM tạo điều kiện thuận lợi cho người học đồng thời giúp việc di chuyển dễ dàng, tiện lợi hơn.

### 2.4. Phân tích thách thức

#### *2.4.1. Học phí thấp là một cơ hội, song cũng là một thách thức lớn*

Đại học Đồng Nai là trường trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và phụ thuộc ngân sách nhà nước nên mức học phí được quy định bởi Hội đồng nhân dân tỉnh. Mức học phí thấp là một lợi thế cạnh tranh tuyển sinh nhưng cũng là một thách thức lớn đối với nhà trường về kinh phí xây dựng cơ sở vật chất tốt, đạt tiêu chuẩn và điều kiện đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người học.

#### *2.4.2. Sự cạnh tranh ngày càng gay gắt giữa các trường Đại học công lập và dân lập*

Hệ thống giáo dục Đại học Việt Nam đang có những sự phát triển mới, Trường Đại học Đồng Nai nói chung, Khoa Kinh tế nói riêng đang và sẽ gặp phải sự cạnh tranh rất lớn với nhiều cơ sở giáo dục Đại học cùng khối ngành, đặc biệt là các cơ sở giáo dục Đại học tư thục với tiềm lực tài chính mạnh, tự chủ tài chính nên có sự đầu tư lớn, bài bản về cơ sở vật chất hiện đại và nguồn nhân lực có trình độ cao phục vụ nhu cầu đào tạo, có sức hút mạnh mẽ với người học. Chỉ tính riêng trên địa bàn TP.Biên Hòa đã có sự cạnh tranh rất lớn về đào tạo khối ngành kinh tế giữa các trường Đại học như trường ĐH Lạc Hồng, ĐH Công nghệ và một số các trường Cao đẳng có liên kết đào tạo trình độ Đại học ở khối ngành này. Mặc dù là trường tư nhưng Đại học Lạc Hồng và Đại học Công nghệ được đánh giá rất cao, cả hai trường đều đã hoàn thành công tác kiểm định chất lượng giáo dục và tiến tới đào tạo trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ, trong khi Đại học Đồng Nai vẫn chưa giữ vững được chỉ tiêu tuyển sinh trình độ Đại học, chưa hoàn thành công tác kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục Đại học.

Hiện nay, có rất nhiều trường Đại học đào tạo khối ngành kinh tế với quy mô lớn, xây dựng được vị thế và uy tín trong nước như Đại học Kinh tế quốc dân, Đại học Kinh tế TP.HCM, Đại học Kinh tế – ĐH Quốc gia Hà Nội, Học viện Tài chính, Đại học Ngoại thương… Vì vậy, để cạnh tranh được với những trường thành lập lâu đời, có thương hiệu như trên đòi hỏi Khoa Kinh tế nói riêng, Trường Đại học Đồng Nai nói chung cần phải có sự đầu tư chỉn chu mạnh mẽ về cơ sở vật chất, về nguồn nhân lực trình độ cao, đổi mới trong chương trình và phương pháp đào tạo, nhanh chóng thực hiện chuyển đổi số để thu hút nguồn tuyển sinh trong cả nước.

#### *2.4.3. Xây dựng đội ngũ giảng dạy chất lượng cao*

Hiện nay, việc phát triển đội ngũ giảng dạy có trình độ cao ở khoa đang là vấn đề nan giải. Tiến sĩ đầu ngành Kế toán và Quản trị kinh doanh thiếu trầm trọng mặc dù khoa có đề xuất tuyển dụng hằng năm nhưng vẫn chưa tuyển dụng được. Lý do: cơ chế chính sách, đãi ngộ cho Tiến sĩ quá thấp, vì vậy không có động lực thu hút được Tiến sĩ ở lại trường và khuyến khích giảng viên tham gia học tập nghiên cứu sinh.

Vì vậy, thách thức lớn hiện nay cần kiện toàn đội ngũ giảng dạy có trình độ cao ở nguồn tại chỗ, cần khuyến khích giảng viên tham gia đi học nghiên cứu sinh.

### 2.5. Hiệu quả của phân tích ma trận SWOT

Về cơ bản, phân tích SWOT *(hay ma trận SWOT)* tức là phân tích 4 yếu tố: Strengths (Điểm mạnh), Weaknesses (Điểm yếu), Opportunities (Cơ hội), Threats (Thách thức), việc phân tích SWOT là yếu tố quan trọng và là kim chỉ nan cho hành động của khoa để thực hiện Lập kế hoạch chiến lược phát triển khoa, đưa ra các quyết định giải quyết các hạn chế, điểm yếu, phát triển các thế mạnh, xây dựng chiến lược lâu dài của khoa.

Qua việc phân tích SWOT ở trên cho thấy Khoa Kinh tế - Trường Đại học Đồng Nai có những điểm mạnh hết sức cơ bản, vượt trội so với các cơ sở đào tạo khác trên địa bàn tỉnh và khu vực, tuy nhiên cũng tồn tại một số điểm yếu cần khắc phục. Những cơ hội đã phân tích cho thấy, Khoa Kinh tế đang có nhiều điều kiện và tiềm năng để phát triển. Trong các thách thức, một số là những thách thức có tính hệ thống của giáo dục Đại học Việt Nam, một số là những thách thức có tính nhất thời, có thể ứng đối và cải thiện. Đưa vào ma trận, có thể rút ra một số định hướng phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm yếu, tận dụng cơ hội, ứng phó với thách thức để phát triển Khoa Kinh tế.

## PHẦN IV. MỤC TIÊU, CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KHOA KINH TẾ GIAI ĐOẠN 2018 – 2023

### 1. CƠ SỞ PHÁP LÝ XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC KHOA

- Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT, ngày 15/8/2007 của Bộ Giáo dục và đào tạo Ban hành quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;
- Luật Giáo dục Đại học số 08/2012/QH13 được Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 18/6/2012.
- Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 4/11/2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.
- Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg, ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành điều lệ Trường Đại học.
- Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 4/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường năng lực tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.
- Công văn số 1891/BGDĐT-GDĐH, ngày 5/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ký gửi các trường Đại học, Cao đẳng về nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực có khả năng thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0.
- Quyết định số 195/QĐ-UBND, ngày 21/01/2011 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Đồng Nai Phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Đồng Nai.
- Quyết định số 568/QĐ-ĐHĐN, ngày 09/8/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Nai về việc Quy định công tác chuyên môn.
- Quyết định số 467/QĐ-ĐHĐN, ngày 25/5/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Nai về việc Ban hành chương trình khung trình độ Đại học.
- Quyết định số 887/QĐ-ĐHĐN, ngày 06/8/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Nai về việc Ban hành chương trình khung trình độ Cao đẳng.
- Quyết định số 786/QĐ-ĐHĐN, ngày 15/8/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Nai về việc Quy định về một số nội dung vi phạm và khung xử lý kỷ luật sinh viên.
- Quyết định số 942/QĐ-ĐHĐN, ngày 28/9/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Nai Quy định chuẩn tham gia công tác xã hội đối với sinh viên hệ chính quy của Trường Đại học Đồng Nai.
- Quyết định số 888/QĐ-ĐHĐN, ngày 08/12/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Nai Quy định về Chuẩn đầu ra trình độ ngoại ngữ, tin học.
- Quyết định số 917/QĐ/CTSV-ĐHĐN, ngày 30/9/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Nai Quy định về việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên Trường Đại học Đồng Nai.
- Quyết định số 568/QĐ-ĐHĐN, ngày 09/8/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Nai về việc Quy định công tác chuyên môn.
- Kế hoạch số 904/KH-ĐHĐN, ngày 08/8/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Nai Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục năm học 2018 – 2019.
- Quyết định số 948/QĐ-ĐHĐN, ngày 16/8/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Nai về việc Quy định về đánh giá học phần đào tạo theo học chế tín chỉ.
- Quyết định số 949/QĐ-ĐHĐN, ngày 16/8/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Nai về việc Quy định về bài tập lớn và khóa luận đào tạo theo học chế tín chỉ.
- Quyết định số 950/QĐ-ĐHĐN, ngày 16/8/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Nai về việc Quy định về công tác học vụ dùng cho sinh viên hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

## 2. MỤC TIÊU, CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2018 – 2023

### 2.1. Công tác tư tưởng chính trị, giáo dục rèn luyện

#### *2.1.1. Mục tiêu*

Tăng cường sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, xây dựng tập thể ổn định, đoàn kết, thống nhất về tư tưởng chính trị, giáo dục rèn luyện. Không có trường hợp viên chức và người học trong đơn vị vi phạm pháp luật, lệch lạc về tư tưởng chính trị. Phấn đấu luôn đạt danh hiệu "Tập thể trong sạch, vững mạnh", "Tập thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ", đi đầu trong mọi hoạt động của Nhà trường.

#### *2.1.2. Giải pháp*

- Xây dựng, triển khai các chương trình giáo dục, rèn luyện sinh viên theo triết lý của trường, của khoa "Học để biết, học để làm, học để chung sống với mọi người và học để tự khẳng định mình."
- Hoàn thiện bộ Quy tắc ứng xử của Khoa Kinh tế, hướng tới phong trào xây dựng văn hóa Đại học của Khoa, của trường.
- Xây dựng, hoàn thiện các Nội quy, Quy định về nề nếp, rèn luyện của người học tại khoa.
- Tổ chức thêm nhiều buổi sinh hoạt đoàn thể, hoạt động phong trào đoàn thể nhằm tăng cường sự giao lưu thấu hiểu giữa giảng viên – sinh viên, sự đoàn kết trong đơn vị. Thông qua đó, tuyên truyền, lồng ghép giáo dục rèn luyện, hình thành lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, kiên định trong sinh viên và viên chức trong đơn vị.

### 2.2. Công tác phát triển nguồn nhân lực

#### *2.2.1. Mục tiêu*

**** Đội ngũ quản lý:***

+ Hoàn thiện việc bổ nhiệm đội ngũ quản lý cấp khoa ở các vị trí: Trưởng khoa, Phó Trưởng khoa.

+ Đến năm 2023, hoàn thành việc thành lập bộ môn Kinh tế cơ sở để hướng tới chuyên môn sâu trong phân công giảng dạy.

+ Hoàn thiện việc bổ nhiệm đội ngũ nhân sự quản lý chuyên môn của khoa ở các bộ môn.

**** Đội ngũ giảng viên, chuyên viên:***

+ Xây dựng đội ngũ giảng viên Khoa Kinh tế đủ về số lượng: đến năm 2023, đội ngũ tham gia giảng dạy có khoảng 45 giảng viên. Bao gồm cơ hữu khoảng 33 giảng viên từ nguồn tuyển dụng và hợp đồng dài hạn trên 12 tháng, giảng viên kiêm giảng và thỉnh giảng khoảng 12 giảng viên.

+ Phát triển đội ngũ giảng viên mạnh về chất lượng: đến năm 2023, số lượng giảng viên tại Khoa có ít nhất 5 tiến sĩ ở các ngành Kế toán, Quản trị kinh doanh bao gồm nguồn tuyển dụng mới và nguồn tại chỗ qua việc khuyến khích giảng viên trong khoa tham gia nghiên cứu sinh, nhằm đáp ứng công tác giảng dạy và thực hiện các mục tiêu tuyển sinh, mở các mã ngành mới.

+ Đến năm 2023, 100% đội ngũ giảng viên và chuyên viên trong khoa đáp ứng được yêu cầu đạt chuẩn về trình độ đào tạo và chuyên môn nghiệp vụ ở từng vị trí việc làm.

#### *2.2.2. Giải pháp*

+ Thực hiện tuyển dụng giảng viên có trình độ cao hàng năm để bổ sung đủ số lượng theo mục tiêu đề ra. Tạo mọi điều kiện thuận lợi, có chế độ ưu đãi cao để làm động lực thúc đẩy cho các giảng viên trong Khoa làm Nghiên cứu sinh trong và ngoài nước. Thực hiện ký hợp đồng dài hạn trên 12 tháng với các giảng viên có trình độ tiến sĩ, phó giáo sư tham gia giảng dạy và nghiên cứu khoa học tại khoa.

+ Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm cho từng vị trí việc làm (viên chức

quản lý , giảng viên, chuyên viên, v.v...) đáp ứng yêu cầu phát triển năng lực nguồn nhân lực, tạo dựng và định hình văn hoá đổi mới và văn hoá hợp tác, chia sẻ của trường.

+ Định kì tổ chức cho giảng viên đi tham quan thực tế, học tập kinh nghiệm tại các doanh nghiệp nhằm nâng cao kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ giảng dạy.

+ Tổ chức các lớp đào tạo hoặc khuyến khích viên chức trong đơn vị tham gia học tập, bồi dưỡng trình độ Công nghệ thông tin nâng cao nhằm ứng dụng tốt trong hoạt động giảng dạy và công tác.

+ Tổ chức các lớp đào tạo hoặc khuyến khích viên chức trong đơn vị tham gia học tập, nâng cao trình độ ngoại ngữ nhằm gắn với định hướng hội nhập quốc tế, giảng dạy một số học phần chuyên ngành bằng tiếng Anh. Đối với đội ngũ chuyên viên thì mở thêm các lớp, khóa bồi dưỡng tiếng Anh giao tiếp, phục vụ hoạt động cộng đồng và kiểm định chất lượng.

+ Tạo điều kiện và cử chuyên viên, giảng viên tham gia lớp bồi dưỡng quản lý nhà nước chức danh nghề nghiệp chuyên viên, chuyên viên chính; lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm…làm cơ sở để giảng viên tham gia thi và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, nhằm đáp ứng mục tiêu xây dựng đội ngũ chất lượng cao phục vụ công việc.

***2.2.3. Chỉ tiêu cụ thể***

*Bảngchỉ tiêu, kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên giai đoạn 2018 - 2023*

| Năm học | 2018 - 2019 | 2019 - 2020 | 2020 - 2021 | 2021 - 2022 | 2022 - 2023 |
|---|---|---|---|---|---|
| Tổng số giảng viên. Trong đó: | 34 | 34 | 35 | 40 | 45 |
| + GV cơ hữu | 28 | 30 | 30 | 30 | 33 |
| + GV thỉnh giảng, GV kiêm giảng | 6 | 4 | 5 | 10 | 12 |
| + Tiến sĩ | 2 | 2 | 2 | 3 | 4 |
| + Thạc sĩ | 29 | 29 | 32 | 37 | 41 |
| + Cử nhân | 3 | 3 | 1 | 0 | 0 |
| Tổng số chuyên viên | 2 | 2 | 2 | 3 | 3 |

**2.3. Công tác đào tạo**

***2.3.1. Mục tiêu***

- Chương trình đào tạo:

Giai đoạn 2018 – 2023 sẽ thực hiện rà soát điều chỉnh CTĐT nhằm cập nhật kịp thời xu hướng đào tạo trong nước và quốc tế, phù hợp với Quy định của Bộ GD-ĐT. Nội dung điều chỉnh tập trung vào việc chú trọng phát triển, xây dựng CTĐT theo hướng ứng dụng công nghệ thông tin, đẩy mạnh đào tạo thực hành, nhằm đạt mục tiêu đào tạo các cử nhân khối ngành kinh tế có đủ kỹ năng, nghiệp vụ chuyên môn, phẩm chất đạo đức, tác phong chuẩn mực, nhạy bén với nền kinh tế thị trường. Cụ thể:

+Về khối kiến thức đại cương: Thay thế học phần Toán kinh tế 1 (3 tín chỉ) thành học phần Toán cao cấp (3 tín chỉ) cho phù hợp với chương trình đào tạo của các Trường Đại học hiện nay và vẫn giữ nguyên số tín chỉ hiện hành.

+ Về khối kiến thức cơ sở ngành: Thay thế học phần Toán kinh tế 2 (3 tín chỉ) thành 2 học phần: Tài chính căn bản (02 tín chỉ ) và Phương pháp tối ưu trong kinh tế (2 tín chỉ) cho phù hợp với ngành nghề và phù hợp với chương trình đào tạo của các trường ĐH hiện nay. Như vậy phần khối kiến thức cơ sở ngành tăng thêm 1 tín chỉ.

+ Về khối kiến thức chuyên ngành Kế toán: Thay thế học phần Hệ thống thông tin kế toán (3 tín chỉ) thành học phần Kế toán tài chính 4 (2 tín chỉ) với trọng tâm hướng dẫn thiết lập Báo cáo tài chính nhằm gia tăng chất lượng đào tạo cho chuyên ngành Kế toán, giảm bớt 1 tín chỉ chuyển qua học phần Kế toán tài chính 3. Tăng số tín chỉ của học phần Kế toán tài chính 3 từ 2 tín chỉ lên thành 3 tín chỉ nhằm đưa vào giảng dạy bổ sung thêm các lĩnh vực kế toán về dịch vụ du lịch – khách sạn – nhà hàng và kế toán xây lắp nhằm đáp ứng với nhu cầu thị trường hiện nay.

+ Về khối kiến thức chuyên ngành Quản trị kinh doanh: Thay thế học phần Kế toán hành chính sự nghiệp (3 tín chỉ) thành học phần Thương mại điện tử (3 tín chỉ) đưa ứng dụng công nghệ vào quản trị kinh doanh nhằm đáp ứng với đòi hỏi của thị trường, phù hợp với nhu cầu thực tế trong nước và quốc tế. Việc thay thế này phù hợp với chuyên ngành đang đào tạo và giữ nguyên số tín chỉ hiện hành.

+ Mở các hệ đào tạo khác như liên thông, các lớp bồi dưỡng đào tạo ngắn hạn.

+ Xây dựng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Tài chính Ngân hàng.

**- Chất lượng đào tạo:** đến năm 2023, Khoa Kinh tế trở thành địa chỉ uy tín về chất lượng đào tạo trong tỉnh Đồng Nai và khu vực phía nam. Chú trọng phát triển kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ lẫn kỹ năng sống cho người học, đảm bảo đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường lao động trong nước và quốc tế.

***2.3.2. Nhóm giải pháp***

***- Chương trình đào tạo:***

+ Thực hiện rà soát, điều chỉnh, xây dựng chương trình đào tạo trình độ Đại học ngành Quản trị kinh doanh và Kế toán định kỳ 2 năm/ 1 lần cho phù hợp với mục tiêu về chất lượng đào tạo.

+ Thiết kế và phát triển các chương trình đào tạo có tính liên ngành và xuyên ngành kết nối chặt chẽ giữa khối ngành kinh tế với khối ngành công nghệ nhằm tạo ra giá trị vượt trội, thống nhất cho người học trong nền kinh tế số hiện nay.

+ Xây dựng kế hoạch để phát triển nhiều chương trình đào tạo (chính quy, liên kết, liên thông).

+ Phát triển hợp tác với các cơ quan, doanh nghiệp trong nước để tổ chức các chương trình đào tạo ngắn hạn, chương trình chứng chỉ nghề và các chương trình huấn luyện, nâng cao trình độ có tính cập nhật và thực tiễn cao.

+ Phát triển hình thức đào tạo trực tuyến theo xu hướng của xã hội và đáp ứng nhu cầu công nghệ số trong bối cảnh thời đại công nghệ 4.0.

+ Thực hiện đề xuất với nhà trường: Đối với các học phần thay đổi tên và tương đương, các học phần có sự thay đổi về số tín chỉ trong đó số tín chỉ của học phần khóa sau cao hơn, sinh viên được đăng ký học cải thiện, học lại chung với các lớp khóa sau. Đối với các học phần có sự thay đổi về số tín chỉ, trong đó số tín chỉ của học phần các khóa sau thấp hơn hoặc do phân tách hặc hợp nhất các học phần, hoặc do giảm tải và thay thế học phần thì sinh viên đăng ký được mở lớp học riêng để đảm bảo được số tín chỉ cũng như chất lượng đào tạo. Trong trường hợp số lượng sinh viên đăng ký không đủ sĩ số để mở lớp thì sinh viên có thể tự ôn tập để thi kết thúc học phần. Trong trường hợp sinh viên học chung với khóa sau, các sinh viên đó phải được giảng viên giảng dạy hoặc đánh giá thêm để có thể xem xét cân nhắc với số tín chỉ tương ứng với chương trình đào tạo của khóa đó.

***- Chất lượng đào tạo:***

+ Giai đoạn 2018 – 2023, chú trọng phát triển, xây dựng giáo trình, tài liệu chuyên ngành phục vụ công tác giảng dạy và học tập trong đơn vị. Tiến hành thành lập các nhóm biên soạn tài

liệu giảng dạy thông qua đăng ký của giảng viên và quy định cụ thể: mỗi học phần sẽ có ít nhất từ 2 đến 3 giảng viên cùng tham gia biên soạn nhằm đảm bảo không bị động trong việc phân công giảng dạy đồng thời thống nhất được về nội dung và hình thức Tài liệu giảng dạy cho từng học phần và làm căn cứ phát triển thành Giáo trình giảng dạy. Việc thực hiện phân công biên soạn này sẽ góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy của giảng viên trong khoa, đưa việc phân công giảng dạy đi vào nề nếp, có chiều sâu, có sự phối hợp khoa học.

**+** Đổi mới phương thức giảng dạy, đánh giá người học tương thích với định hướng nghiên cứu thông qua chính sách khuyến khích NCKH và truyền tải thành quả của NCKH vào hoạt động đào tạo.

+ Xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong phù hợp để đo lường hiệu quả đào tạo và cải tiến liên tục.

+ Xây dựng và phát triển môi trường đào tạo (môi trường giảng dạy ứng dụng công nghệ hiệu quả như e-learning, blended learning, v.v...) hỗ trợ hoạt động dạy và học và kiểm tra đánh giá tương thích với chuẩn đầu ra CTĐT.

+ Phát triển công cụ BĐCL đo lường mức độ đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT.

+ Tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa, kiến tập để sinh viên có thêm trải nghiệm thực tế sản xuất, kinh doanh, phát triển kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng sống.

+ Nâng cao chất lượng đầu vào sinh viên hệ chính quy để đảm chất lượng đào tạo sinh viên đạt chuẩn đầu ra.

+ Tổ chức kiểm tra, đánh giá giờ dạy giảng viên định kỳ nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

***2.3.3. Bảng mục tiêu, kế hoạch phát triển đào tạo cụ thể***

| **Năm học** | **2018 - 2019** | **2019 - 2020** | **2020 - 2021** | **2021 - 2022** | **2022 - 2023** |
|---|---|---|---|---|---|
| Bậc Đào tạo | ĐH & CĐ Chính quy | ĐH & CĐ Chính quy | ĐH & CĐ Chính quy | ĐH & CĐ Chính quy | ĐH Chính quy & Liên thông |
| Ngành đào tạo | - Kế toán<br>- QTKD | - Kế toán<br>- QTKD | - Kế toán<br>- QTKD | - Kế toán<br>- QTKD | - Kế toán<br>- QTKD |
| CTĐT | - Thực hiện điều chỉnh, xây dựng CTĐT hệ CĐ, ĐH chính quy.<br>- Xây dựng CTĐT trình độ ĐH ngành Tài chính ngân hàng | - Thành lập các nhóm biên soạn và Hội đồng nhằm thẩm định tài liệu giảng dạy lưu hành nội bộ.<br>- Thực hiện các thủ tục ban hành CTĐT | - Thực hiện xây dựng, điều chỉnh CTĐT hệ ĐH chính quy. | - Thành lập các nhóm thực hiện rà soát, biên soạn tài liệu giảng dạy những học phần mới.<br>- Thực hiện các thủ tục ban hành CTĐT | - Thực hiệnxây dựng, điều chỉnh CTĐT hệ ĐH chính quy. |

| | |
|---|---|
| Chất lượng chuẩn đầu ra Program Object (viết tắt: PO) | **- Về kiến thức:**<br>+ PO1: Hiểu biết sâu sắc về các chuẩn mực, quy định, chính sách, chế độ của nhà nước liên quan đến lĩnh vực kinh tế<br>+ PO2: Nắm vững kiến thức chuyên ngành<br>**- Về kỹ năng:**<br>+ PO3: Có kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp, biết cách tổ chức, lãnh đạo, điều hành.<br>+ PO4: Sử dụng ngoại ngữ, công nghệ thông tin thành thạo.<br>**- Về mức độ tự chủ, trách nhiệm nghề nghiệp:**<br>+ PO5: Có đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp, chấp hành đúng pháp luật nhà nước.<br>+ PO6: Có ý thức, năng lực hợp tác trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao. |

**2.4. Công tác quản lý viên chức và người học**

***2.4.1. Viên chức trong Khoa***

- ***Mục tiêu*:**

+ 100% viên chức trong đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Tăng tỷ lệ viên chức được khen thưởng hằng năm do hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

+ Các viên chức trong đơn vị luôn chấp hành nghiêm túc các quy định của Khoa, Nhà trường, Pháp luật. Không có trường hợp nào bị xử lý vi phạm.

+ Xây dựng tập thể đoàn kết, vững mạnh.

***- Giải pháp:***

+ Tổ chức thêm nhiều hoạt phong trào nhằm tăng cường sự gắn kêt giữa các viên chức trong đơn vị.

+ Xây dựng các kế hoạch kiểm tra đánh giá người dạy định kỳ nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy.

+ Triển khai lấy ý kiến khảo sát từ người học về chất lượng giảng dạy và hỗ trợ, phục vụ để có phương án cải thiện, điều chỉnh.

+ Triển khai đánh giá, bình xét thi đua, khen thưởng hàng năm để thúc đẩy động lực phấn đấu của viên chức.

***2.4.2. Người học***

***- Mục tiêu:***

+ ***Về số lượng tuyển sinh***:

Đảm bảo số lượng tuyển sinh đầu vào hệ chính quy đạt chỉ tiêu được giao. Tới năm 2023, có số lượng người học hệ chính quy và các hệ đào tạo khác như văn bằng 2, liên thông đạt mức trên 1.600 sinh viên/năm học.

+ ***Về chất lượng người học***:

Tăng tỷ lệ người học tốt nghiệp đúng thời hạn (khoảng 80 %), Tăng tỷ lệ người học đạt xếp loại xuất sắc, giỏi, khá (chiếm 60 %). Giảm tỷ lệ người học bị cảnh báo kết quả học tập cuối kỳ và yếu kém.

Chuẩn đầu ra người học phải nắm vững được kiến thức chuyên ngành lẫn kỹ năng, đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp và xã hội, có thể cạnh tranh được với nguồn nhân lực của các trường uy tín có đào tạo khối ngành kinh tế ở khu vực phía nam như: Đại học kinh tế TP.HCM; Đại học Tài chính - Marketing; Đại học Mở; Đại học Kinh tế - Luật... Người học sau khi tốt

nghiệp là những công dân có tư duy toàn cầu và có trách nhiệm, hiểu biết về quan điểm quốc tế và khả năng tham gia mang kiến tạo với các cộng đồng khác nhau.

- ***Giải pháp:***

Tăng cường công tác truyền thông tiếp thị về trường, khoa qua các kênh thông tin (website, face book, đài truyền hình...) nhằm thu hút người học tiềm năng.

Phối hợp với phòng Đào tạo xây dựng đề án tuyển sinh với các phương thức tuyển sinh linh hoạt, đa dạng nhằm thu hút người học có năng lực tốt (tư duy, kiến thức, kỹ năng, ngoại ngữ) đáp ứng yêu cầu mô hình tự chủ đại học.

Nâng cao chất lượng đầu vào qua việc tăng điểm sàn xét tuyển.

Xây dựng các kế hoạch kiểm tra đánh giá người học định kỳ nhằm nâng cao chất lượng học tập, có phương án cải tiến phù hợp với từng đối tượng. Mở thêm các lớp học lại, học cải thiện cho sinh viên vào buổi tối trong học kỳ chính khóa nhằm tạo điều kiện cho sinh viên tốt nghiệp đúng thời hạn.

Khuyến khích người học thành lập các câu lạc bộ cùng nhau học tập, rèn luyện như : câu lạc bộ Tiếng Anh; câu lạc bộ thể thao; Câu lạc bộ khởi nghiệp,…

Xây dựng kế hoạch tổ chức các chương trình hoạt động nhằm phát triển kỹ năng và phát huy tính sáng tạo, năng động, chuyên nghiệp cho người học, đảm bảo người học sau khi tốt nghiệp không chỉ giỏi về chuyên môn mà còn có kỹ năng, bản lĩnh và dễ dàng thích nghi với xã hội. Duy trì và phát triển các sự kiện truyền thống của Khoa Kinh tế như: chào đón tân sinh viên; tổ chức lễ tốt nghiệp sinh viên; ngoại khóa, thực tế hằng năm cho sinh viên năm 4; hội thi văn nghệ, thể dục thể thao Khoa Kinh tế nhằm tạo sân chơi lành mạnh cho SV giải trí và rèn luyện sức khỏe; chương trình tri ân thầy cô; chương trình giao lưu, gặp gỡ với doanh nghiệp…

Nâng cao chất lượng và xây dựng, phát triển các chương trình đào tạo có tính kết nối chặt chẽ giữa khối ngành kinh tế với khối ngành công nghệ nhằm tạo ra giá trị vượt trội, thống nhất cho người học trong nền kinh tế số.

Xây dựng chuẩn đầu ra trong đó người học phải đạt yêu cầu về ngoại ngữ, tin học để có thể áp dụng trong công việc sau khi ra trường.

**2.5. Nghiên cứu khoa học**

***2.5.1. Mục tiêu:***

**- Nghiên cứu khoa học của giảng viên:**

100% giảng viên hoàn thành công tác NCKH theo Quy định của Nhà trường.

Tập trung phát triển NCKH theo hướng xây dựng, xuất bản thành các giáo ứng dụng phục vụ giảng dạy khối ngành Kinh tế.

Tích cực tham gia các Hội thảo khoa học, tọa đàm khoa học trong nước và quốc tế về phương pháp giảng dạy, chuyên đề khối ngành kinh tế.

Tăng tỷ lệ bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành (tối thiểu 10 bài/ năm). Phấn đấu chủ trì thực hiện đề tài NCKH cấp trường ít nhất 2 đề tài/năm.

**- Nghiên cứu khoa học của sinh viên:**

Tích cực đẩy mạnh NCKH trong sinh viên qua việc tổ chức các Hội thảo khoa học; triển khai cho sinh viên thực hiện các đề tài nghiên cứu theo chuyên ngành qua các buổi Semina; khuyến khích sinh viên viết báo…

***2.5.2. Giải pháp:***

Nhà trường, Khoa cần có chế độ khen thưởng, khuyến khích NCKH trong giảng viên và sinh viên.

Nhà trường cần có quy định cụ thể về mức hỗ trợ kinh phí tổ chức Hội thảo hằng năm cho khoa.

Thành lập các nhóm nghiên cứu chuyên sâu để thực hiện các đề tài NCKH.

***2.5.3. Bảng kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học cụ thể:***

| **Năm học** | **2018 - 2019** | **2019 - 2020** | **2020 - 2021** | **2021 - 2022** | **2022 - 2023** |
|---|---|---|---|---|---|
| Hội thảo khoa học /tọa đàm | Tổ chức ít nhất 1 Hội thảo /semina | Tổ chức ít nhất 1 Hội thảo /semina | Tổ chức ít nhất 1 Hội thảo /semina | Tổ chức ít nhất 1 Hội thảo /semina | Tổ chức ít nhất 1 Hội thảo /semina |
| NCKH cấp Trường | Chủ trì ít nhất 2 đề tài | Chủ trì ít nhất 2 đề tài | Chủ trì ít nhất 2 đề tài | Chủ trì ít nhất 2 đề tài | Chủ trì ít nhất 2 đề tài |
| Bài báo khoa học | Ít nhất 10 bài | Ít nhất 10 bài | Ít nhất 10 bài | Ít nhất 10 bài | Ít nhất 10 bài |
| Hỗ trợ của Nhà trường | - Tài trợ kinh phí tổ chức Hội thảo / Tọa đàm<br>- Ban hành các Quyết định khen thưởng đối với các cá nhân có thành tích tốt trong NCKH hàng năm. | | | | |

**2.6. Công tác đoàn thể, xây dựng phát triển Đảng**

***2.6.1. Mục tiêu***

- Công tác đoàn thể: Đẩy mạnh phát triển các hoạt động đoàn thể sôi nổi. Phấn đấu mỗi năm khoa có ít nhất 5 chương trình hoạt động đoàn thể nhằm thực hiện mục tiêu xây dựng tập thể đơn vị đoàn kết, thống nhất vững mạnh.

- Công tác Đảng: phấn đấu mỗi năm đều đạt danh hiệu "Chi bộ trong sạch, vững mạnh", "Tập thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ". Đảm bảo duy trì số lượng kết nạp Đảng hàng năm (5 đảng viên/năm).

***2.6.2. Giải pháp***

- Phát triển các phong trào thi đua, rèn luyện cho viên chức và người học trong đơn vị thông qua việc tổ chức các chương trình, hoạt động như: Hội thao sinh viên; Hội thao giảng viên; Hội thi văn nghệ chào mừng ngày nhà giáo Việt Nam; Hội thi xếp sách; tổ chức Hội trại cho sinh viên trong đó phát động các cuộc thi thiết kế với các chủ đề "Bảo vệ môi trường", thi nấu ăn, …

- Đẩy mạnh công tác phát triển Đảng trong sinh viên, tổ chức cho sinh viên tham gia học các lớp cảm tình Đảng hàng năm.

- Tổ chức nhiều buổi sinh hoạt trực tuyến để tuyên truyền, giáo dục tư tưởng, đạo đức lối sống và văn hóa ứng xử cho viên chức và người học trong đơn vị.

- Thường xuyên lồng ghép giáo dục tư tưởng chính trị cho viên chức và người học trong đơn vị qua các buổi sinh hoạt chào cờ hàng tháng.

**2.7. Công tác hợp tác quốc tế**

***7.1. Mục tiêu***

Tiếp tục duy trì việc tăng cường quan hệ hợp tác quốc tế thông qua nhiệm vụ đào tạo sinh viên Lào, Campuchia. Phối hợp với Nhà trường trong việc đẩy mạnh phát triển hợp tác với một số trường Đại học nước ngoài trong các hoạt động đa dạng, nhằm xúc tiến thiết thực và hiệu quả chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học cũng như tích cực phổ biến kiến thức, chuyển giao kết quả đào tạo và nghiên cứu phục vụ xã hội.

Mỗi năm tổ chức ít nhất một chương trình có giao lưu văn hóa cho sinh viên trong khoa.

***7.2. Nhóm giải pháp***

***- Các loại học bổng và du học***

Tăng cường tìm kiếm các tài trợ về học bổng, học bổng du học, học bổng trao đổi sinh viên từ các đối tác nước ngoài cho GV và SV Khoa Kinh tế qua chương trình "gặp gỡ và giao lưu với doanh nghiệp" hàng năm.

***- Hợp tác quốc tế trong đào tạo, nghiên cứu khoa học***

Tăng cường hiệu quả của các hoạt động hợp tác quốc tế trong đào tạo, nghiên cứu khoa học như tổ chức và tham gia các chương trình hội thảo chuyên đề văn hóa, giảng dạy, chuyên đề kinh tế – xã hội…

***Giao lưu văn hóa***

Tăng cường phối hợp với các tổ chức thuộc chức Liên hiệp hữu nghị các nước Tỉnh Đồng Nai tổ chức các sự kiện kỷ niệm ngày thiết lập quan hệ ngoại giao, quan hệ hữu nghị Việt – Lào, Việt Nam – với các nước Asian, giao lưu văn hóa, văn nghệ, các hoạt động xã hội, từ thiện.

**2.8. Công tác xã hội**

***2.8.1. Mục tiêu***

- Giai đoạn 2018 – 2023, tiếp tục duy trì và phát triển truyền thống của khoa trong các hoạt động cộng đồng, như: hoạt động thiện nguyện cuối năm; trao quà cho các em nhỏ mồ côi dịp trung thu; trao quà cho các gia đình có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn TP. Biên Hòa dịp tết nguyên đán, tích cực tham gia chương trình "Mùa hè xanh"; tham gia hiến máu nhân đạo…
- Tăng cường gắn kết với chính quyền địa phương, phục vụ cộng đồng và hợp tác doanh nghiệp qua các chương trình khoa tổ chức (tối thiểu 5 chương trình hoạt động/ năm).

***2.8.2. Giải pháp***

- Khuyến khích, động viên người học tham gia, nâng cao ý thức hoạt động phục vụ cộng đồng và tạo các điều kiện thuận lợi để người học tích cực tham gia. Có chế độ khen thưởng, tuyên dương những tấm gương tốt, năng nổ trong công tác phục vụ cộng đồng.
- Có sự kết nối, phối hợp với chính quyền tại địa phương để cùng đồng hành thực hiện các hoạt động cộng đồng như trao quà cho các gia đình có hoàn cảnh khó khăn; chiến dịch mùa hè xanh, tuyên truyền phòng cháy chữa cháy, an toàn giao thông…
- Phối hợp chặt chẽ với các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai nói riêng và các tỉnh lân cận để tổ chức hiệu quả các chương trình ngoại khoá, chương trình phát triển kỹ năng, phát triển ngoại ngữ, giao lưu văn hoá, kiến tập, thực tập nghề nghiệp.
- Phát huy hiệu quả vai trò của cựu người học trong gắn kết địa phương, doanh nghiệp, thực hiện các hoạt động kỹ năng nghề nghiệp và phục vụ cộng đồng;
- Thúc đẩy vai trò của doanh nghiệp đối với các hoạt động của khoa, đẩy mạnh các hoạt động khởi nghiệp, phục vụ cộng đồng.
- Xúc tiến ký kết, hợp tác dài hạn cùng các đơn vị lớn, uy tín (Vietcombank HCM, BIDV Đông Sài Gòn,…). Các hoạt động hợp tác đa dạng: tài trợ, trao học bổng, tuyển dụng – thực tập, tham quan doanh nghiệp, đào tạo ngắn hạn. Số lượng đối tác là doanh nghiệp tăng hàng năm với

tổng tài trợ cho các hoạt động ngày càng tăng.

- Xây dựng trang chia sẻ thông tin việc làm, có sự tương tác thường xuyên giữa doanh nghiệp với sinh viên trong hoạt động tuyển dụng thực tập, việc làm thông qua cổng thông tin, các sự kiện đồng tổ chức định kỳ hàng năm.

***2.8.3. Bảng kế hoạch cụ thể***

| **Năm học** | **2018 - 2019** | **2019 - 2020** | **2020 - 2021** | **2021 - 2022** | **2022 -2023** |
|---|---|---|---|---|---|
| Hoạt động cộng đồng | Tổ chức ít nhất 5 chương trình/năm | Tổ chức ít nhất 5 chương trình/năm | Tổ chức ít nhất 5 chương trình/năm | Tổ chức ít nhất 5 chương trình/năm | Tổ chức ít nhất 5 chương trình/năm |
| Hoạt động hợp tác với doanh nghiệp | Tổ chức ít nhất 2 chương trình lớn/năm | Tổ chức ít nhất 2 chương trình lớn/năm | Tổ chức ít nhất 2 chương trình lớn/năm | Tổ chức ít nhất 3 chương trình lớn/năm | Tổ chức ít nhất 3 chương trình lớn/năm |
| Hoạt động Hỗ trợ | - Nhà trường hỗ trợ kinh phí cho đơn vị thực hiện các chương trình theo kế hoạch.<br>- Doanh nghiệp hỗ trợ đơn vị nhận thực tập sinh; trao các suất học bổng cho người học có hoàn cảnh khó khăn; phối hợp với khoa tổ chức các buổi diễn thuyết hướng nghiệp, cử thuyết trình viên tại các buổi tham quan ngoại khóa, kiến tập.<br>- Các chính quyền địa phương tại địa phương hỗ trợ, đồng hành cùng khoa thực hiện các hoạt động thiện nguyện tại địa phương. | | | | |

**2.9. Cơ sở vật chất**

***2.9.1. Mục tiêu***

- Đề xuất với nhà trường xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị hiện đại phục vụ đào tạo tại khoa. Mục tiêu đến năm 2023, xây dựng cơ sở vật chất tại cơ sở 3 khang trang, đáp ứng được nhu cầu sử dụng của viên chức và người học tại khoa, như: hoàn thiện cơ sở vật chất tại Hội trường 500 phục vụ sinh hoạt đoàn thể và các hoạt động của khoa; hoàn thiện các thiết bị máy chiếu, quạt, máy tính tại các phòng học phục vụ nhu cầu giảng dạy – học tập tại cơ sở 3, xây dựng căng tin, mua sắm máy bán nước tự động phục vụ nhu cầu viên chức và sinh viên tại cơ sở 3; xây dựng khu tự học kết hợp làm nơi nghỉ trưa cho sinh viên, …

- Đến năm 2023, bổ sung tài liệu, giáo trình, sách tham khảo chuyên ngành khối kinh tế tại thư viện cơ sở 3 đáp ứng 80% nhu cầu sử dụng của giảng viên, người học tại khoa.

***2.9.2. Giải pháp***

- Thực hiện phối hợp với phòng Quản trị thiết bị rà soát cơ sở vật chất, thiết bị dạy học tại cơ sở 3 định kỳ 2 lần/năm để bảo trì, tu sửa, đề xuất mua sắm trang thiết bị phục vụ dạy – học và thanh lý đối với những thiết bị không còn khả năng sử dụng.

- Thực hiện lắp wifi ở tất cả các dãy nhà học để giảng viên và sinh viên có thể tra cứu tài liệu học tập.

- Triển khai cải tạo, phát huy tối đa hiệu quả sử dụng khu tập luyện thể dục thể thao, các công trình phúc lợi khác trong khuôn viên trường đáp ứng nhu cầu học tập, tập luyện và sinh hoạt của viên chức, người lao động và người học.

***2.9.3. Kế hoạch xây dựng sơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo tại cơ sở 3 giai đoạn 2018 – 2023***

| Nội dung | Số lượng & Địa điểm | Hoạt động | Đối tượng phục vụ | Trang thiết bị |
|---|---|---|---|---|
| Phòng máy tính thực hành | 4 phòng máy tính dạy thực hành Tại dãy nhà D | Dạy-học các học phần có thực hành: "ứng dụng trên phần mềm kế toán"; "Kế toán và khai báo thuế" | GV-SV Khoa Kinh tế | - Máy tính: 36 máy/ phòng<br>- Máy lạnh: 2 máy/ phòng<br>- Máy chiếu: 1 máy/phòng<br>- Phần mềm chuyên môn<br>- Hệ thống âm thanh<br>- Đường chuyền Internet tốc độ cao. |
| Thư viện | 1 phòng tư liệu ở Hội trường 500 | Đọc sách, tư liệu tham khảo phục vụ dạy- học, nghiên cứu | GV-SV Khoa Kinh tế | Các tủ sách, bàn ghế, máy vi tính có kết nối internet tốc độ cao để truy cập thư viện số, 1 máy in, máy photo, 2 máy lạnh, các sách, tài liệu chuyên ngành khối kinh tế. |
| Phòng tập thể thao | 1 phòng tại cs3 (cải tạo) | Hoạt động thể thao | Viên chức, sinh viên Khoa Kinh tế | Các thiết bị, dụng cụ thể thao… |
| Bãi đỗ xe cho giảng viên và sinh viên | 1 bãi có mái che | Giữ xe | Giảng viên; Sinh viên | Xây dựng bãi có mái che, có làn ngăn cách xe đỗ ngăn nắp, camera giám sát xe… |
| Hỗ trợ của nhà trường và các tổ chức doanh nghiệp | - Nhà trường hỗ trợ kinh phí thực hiện xây dựng nhà để xe; căngtin; khu tự học cho sinh viên và thực hiện mua sắm trang thiết bị, tài liệu phục vụ học tập giảng dạy tại khoa.<br>- Tìm kiếm sự hỗ trợ kinh phí từ các doanh nghiệp để thực hiện xây dựng khu học tập cho sinh viên. | | | |

**2.10. Công tác đảm bảo chất lượng**

***2.10.1. Mục tiêu***

Xây dựng thương hiệu Khoa Kinh tế là địa chỉ uy tín trong công tác đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội, đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động trong nước và quốc tế. Mục tiêu đến năm 2023 hoàn thành công tác kiểm định chất lượng 2 ngành Kế toán và Quản trị kinh doanh theo kế hoạch của Nhà trường.

***2.10.2. Nhóm giải pháp***

Phát huy vai trò công nghệ thông tin trong quản trị khoa, lưu trữ dữ liệu trên Google Drive; trên hệ thống phần mềm quản lý văn bản. Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu để phục vụ cho công tác kiểm định chất lượng theo các bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trong nước và quốc tế.

Tiếp tục thực hiện công tác dự giờ, đánh giá giờ dạy mỗi kỳ để kiểm tra năng lực giảng viên, triển khai lấy ý kiến đánh giá của người học về chất lượng giảng dạy của giảng viên, góp ý, rút kinh nghiệm theo nhóm chuyên môn để cải thiện, nâng cao chất lượng giảng dạy.

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện lấy ý kiến khảo sát của Nhà tuyển dụng cũng như các cơ quan, doanh nghiệp bằng hình thức google forms, qua đó rút kinh nghiệm để cập nhật, bổ sung, hoàn thiện chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, phương pháp giảng dạy nhằm mục đích nâng cao chất lượng đào tạo phù hợp với nhu cầu việc làm của xã hội.

## 3. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 3.1. Trách nhiệm của lãnh đạo khoa kinh tế dnu

- Chỉ đạo viên chức, người học thuộc khoa thực hiện theo chiến lược phát triển khoa.
- Tham gia giám sát, kiểm tra, đánh giá quá trình thực hiện.
- Xây dựng các kế hoạch, đề án cụ thể để thực hiện có hiệu quả chiến lược khoa.
- Thực hiện các chế độ báo cáo nhà trường về mọi hoạt động của khoa.
- Thực hiện tham mưu, đề xuất với Ban Giám hiệu nhà trường nhằm hoàn thành mục tiêu chiến lược đề ra.
- Xây dựng mối quan hệ hợp tác lâu dài, bền vững với các doanh nghiệp để thực hiện các mục tiêu chiến lược của khoa.

### 3.2. Trách nhiệm của chuyên viên thuộc khoa

- Thực hiện nghiêm chỉnh các mục tiêu chiến lược đề ra.
- Triển khai, phổ biến chiến lược phát triển khoa cho người học.
- Khắc phục khó khăn, tận tụy và trách nhiệm với công việc, đảm bảo thực hiện kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ, hoàn thành nhiệm vụ được giao đúng tiến độ và chất lượng công việc.
- Tham mưu với lãnh đạo khoa xây dựng, soạn thảo các văn bản, báo cáo Nhà trường.
- Hỗ trợ lãnh đạo khoa trong công tác quản lý người học thuộc khoa.
- Nghiêm túc chấp hành mọi nội quy, quy định của khoa và Nhà trường.

### 3.3. Trách nhiệm của giảng viên thuộc khoa

- Thực hiện nghiêm túc những nhiệm vụ quy định của giảng viên được quy định trong các văn bản của Đảng, Nhà nước, Nhà trường.
- Chủ động, tích cực tham gia giảng dạy, nghiên cứu khoa học theo hướng ứng dụng thực tế, hợp tác quốc tế và hợp tác với các đơn vị sử dụng nhân lực để cải tiến chương trình đào tạo; phương pháp giảng dạy; kiểm tra đánh giá các học phần do mình thực hiện, nhằm đảm bảo đạt tối thiểu các yêu cầu sau:

+ Giúp người học có khả năng tự học, tự nghiên cứu, kỹ năng làm việc nhóm, khả năng thuyết trình, khả năng phân tích, thống kê, tổng hợp và biết xây dựng phương pháp giải quyết vấn đề một cách tối ưu nhất.

+ Giúp người học có đủ kiến thức trọng tâm, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, thái độ làm việc chuyên nghiệp, tâm huyết với nghề. Quản lý thời gian và xây dựng được kế hoạch làm việc theo mô hình PDCA, 5S, các công cụ quản lý hiệu quả.

### 3.4. Trách nhiệm của người học thuộc khoa

- Tuân thủ nội quy, quy định của khoa, Nhà trường và pháp luật Nhà nước.
- Nghiêm túc học tập, nghiên cứu và tích cực, chủ động tìm hiểu, tra cứu tài liệu, văn bản liên quan đến việc học tập.
- Tự xây dựng kế hoạch học tập, rèn luyện cụ thể để đạt được kết quả cao trong quá trình học tập tại khoa. Không để bị động, bị cảnh báo kết quả học tập.

- Thường xuyên theo dõi các thông báo của khoa, Nhà trường đăng trên các kênh website, facebook khoa...

- Tham gia đánh giá, góp ý, cải tiến chất lượng phục vụ, dạy học của khoa và Nhà trường.

**3.5. Trách nhiệm của các phòng ban, đơn vị liên quan**

- Hỗ trợ khoa giải quyết các thủ tục hành chính, chế độ, chính sách cho viên chức và người học thuộc khoa.

- Phối hợp với khoa hoàn thành các mục tiêu chiến lược đề ra.

**3.6. Các doanh nghiệp**

- Hỗ trợ, giúp đỡ khoa trong việc thực hiện các kế hoạch, chương trình ngoại khóa, kiến tập, thực tập nghề nghiệp, cho người học.

- Góp ý xây dựng chuẩn đầu ra, tham gia kế hoạch tổ chức ngày hội việc làm, xem xét, tuyển dụng người học sau khi tốt nghiệp.

- Tham gia các chương trình tọa đàm, hội thảo, xây dựng các chuyên đề để chia sẻ kinh nghiệm thực tế với người học.

Trên đây là chiến lược phát triển giai đoạn 2018 – 2023 của Khoa Kinh tế. Tập thể viên chức, người học thuộc Khoa rất mong nhận được sự quan tâm, chỉ đạo kịp thời của Ban Giám hiệu Nhà trường để hoàn thành mục tiêu chiến lược đã đề ra trong thời gian tới.

**KT. TRƯỞNG KHOA**
**PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**Nguyễn Thế Khang**